

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM  
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**



**THUYẾT MINH  
ĐỀ TÀI NCKH CẤP TRƯỜNG**

**ĐỀ TÀI  
ĐẢNG LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI  
TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2010**

**Chủ nhiệm đề tài: HOÀNG THỊ BÍCH PHƯƠNG  
Thành viên tham gia: MẠC VĂN NAM  
PHAN DUY HÒA**

**Hải Phòng, tháng 4/2016**



# **THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NCKH CẤP TRƯỜNG**

**ĐỀ TÀI  
ĐẢNG LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI  
TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2010**

**Chủ nhiệm đề tài: HOÀNG THỊ BÍCH PHƯƠNG  
Thành viên tham gia: MẠC VĂN NAM  
PHAN DUY HÒA**

**Hải Phòng, tháng 4/2016**

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Cách mạng khoa học và kỹ thuật	:CM KH-KT
Chủ nghĩa xã hội	:CNXH
Đảng Cộng sản Việt Nam	:ĐCS Việt Nam
Đường lối đối ngoại	:ĐLĐN
Hoạt động đối ngoại	:HĐĐN
Nhà xuất bản Chính trị quốc gia	:Nxb CTQG
Kinh tế-xã hội	:KT-XH
Tổ chức phi chính phủ	:TCPCP
Xã hội chủ nghĩa	:XHCHN

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>7</b>
<b>NỘI DUNG .....</b>	<b>14</b>
1.1. Cơ sở hoạch định đường lối đối ngoại theo phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế .....	14
1.2. ĐLĐN mở rộng đa phương hóa, đa dạng hóa QHQT của Đảng.....	22
1.3. Đảng chỉ đạo thực hiện mở rộng QHQT.....	28
<b>CHƯƠNG 2. ĐẢNG LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH MỞ RỘNG QHĐN VÀ CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ, QUỐC TẾ GIAI ĐOẠN 2006-2010..</b>	<b>38</b>
2.1. Yêu cầu mới phải đẩy mạnh mở rộng QHĐN và hội nhập quốc tế .....	38
2.2. Chủ trương của Đảng đẩy mạnh mở rộng QHĐN, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế .....	44
2.3. Đảng chỉ đạo đẩy mạnh mở rộng QHĐN và hội nhập KTQT .....	48
<b>CHƯƠNG 3. NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM.....</b>	<b>58</b>
3.1. Một số nhận xét tổng quát.....	58
3.2. Kinh nghiệm từ quá trình Đảng lãnh đạo xây dựng ĐLĐN mở QHĐN và hội nhập kinh tế, quốc tế (2001 - 2010).....	74
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>76</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>78</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

ĐCS Việt Nam ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, đã xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới; đồng thời xác định rõ tính chất của thời đại mới và mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Trong lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn gắn mục tiêu của cách mạng Việt Nam với mục tiêu chung của cách mạng thế giới. Chính vì vậy, đã tạo ra thế và lực cho cách mạng Việt Nam, sức mạnh của cách mạng Việt Nam ngày càng được tăng cường và nâng lên gấp bội.

Sau khi chế độ XHCN bị xóa bỏ ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã làm đảo lộn cục diện thế giới và đời sống chính trị - KTQT. Bàn cờ chính trị thế giới đã được sắp đặt lại, cơ cấu và mối quan hệ đã thay đổi và định hình lại theo những chuẩn mực mới; đồng thời nền kinh tế thế giới đang có những biến đổi sâu, rộng dưới tác động của những tiến bộ khoa học - công nghệ và quá trình toàn cầu hoá. Mỗi quốc gia đang đứng trước hàng loạt vấn đề mới trong QHQT đương đại.

Trong bối cảnh đó, ĐCS Việt Nam với bản lĩnh, trí tuệ của mình đã bình tĩnh phân tích cục diện thế giới, tìm ra những dòng chảy cơ bản của thời cuộc; lãnh đạo nâng cao hiệu quả và mở rộng HĐĐN góp phần vượt qua mọi khó khăn, thử thách, ổn định phát KT-XH, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đồng thời đưa HĐĐN tiến vào chiều sâu, hội nhập quốc tế với *“tinh thần chủ động và tích cực”*. Song, việc mở rộng hoạt động đối ngoại, thu hút đầu tư, khoa học công nghệ, bài học quản lý của nước ngoài, tiếp cận thị trường quốc tế, phát huy nguồn nội lực, tận dụng ngoại lực vẫn còn những bất cập chưa đáp ứng yêu cầu mới của đất nước.

Chính vì vậy, nghiên cứu quá trình *Đảng lãnh đạo xây dựng đường lối đối ngoại theo phương châm mở rộng QHĐN từ năm 2001 đến năm 2010* nhằm làm rõ tính đúng đắn, sáng tạo trong chủ trương, sự chỉ đạo của Đảng về mở rộng

QHĐN, rút ra bài học kinh nghiệm làm cơ sở giữ vững, mở rộng và đẩy mạnh HĐĐN trong thời gian tới là vấn đề có tính cấp thiết hiện nay.

## **2. Tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài**

Lĩnh vực đối ngoại trong thời kỳ đổi mới luôn được các chính khách, học giả, nhà khoa học, nghiên cứu ở những góc độ, khía cạnh, cách tiếp cận khác nhau. Tiêu biểu có các nhóm công trình sau:

*Nhóm các công trình khoa học xuất bản thành sách:*

Nguyễn Thế Long, Những mẫu chuyện bang giao trong lịch sử Việt Nam, Nxb Giáo dục, Hà Nội 2007; Viện sử học, *Thế giới những sự kiện lịch sử thế kỷ XX (1946 - 2000)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội 2007; Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh sống mãi với dân tộc Việt Nam và bầu bạn quốc tế*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội 2001; Ban Tuyên giáo Trung ương, *117 chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội 2007; Bộ ngoại giao, *Tổng luận 50 năm hoạt động ngoại giao Việt Nam*, Hà Nội 1999; Bộ ngoại giao, Vụ CSĐN, *Tổng kết CSĐN và QHQT của Đảng và Nhà nước ta qua 20 năm đổi mới*, Hà Nội 2004; Đặng Văn Thái, *HĐĐN của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống thực dân Pháp*, Nxb CTQG, Hà Nội 2004; Đinh Xuân Lý, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại và sự vận dụng của Đảng trong thời kỳ đổi mới*, Nxb CTQG, Hà Nội 2005; Đỗ Đức Hình, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại - Một số nội dung cơ bản*, Nxb CTQG, Hà Nội 2007; đồng chí Lê Khả Phiêu, *Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường Đảng ta và nhân dân ta tiến vào thế kỷ XXI*, Nxb CTQG, Hà Nội 2000; Tác giả Nguyễn Duy Niên, *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb, CTQG, Hà Nội 2002; Nguyễn Cơ Thạch, *Thế giới trong 50 năm qua (1945 - 1995) và thế giới trong 25 năm tới (1996 - 2020)*, Nxb CTQG, Hà Nội 1998; Nguyễn Mạnh cảm, *Đổi mới về đối ngoại và hội nhập quốc tế*, Nxb, Hà Nội 2009; đồng chí Vũ Khoan: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác ngoại giao*, Nxb CTQG, Hà Nội 1990; *Một số chuyên đề Lịch sử ĐCS Việt Nam*, tập III, Nxb CTQG, Hà Nội 2007; tác giả Mai Văn Bộ, *Tấn công ngoại giao và tiếp*

*xúc bí mật*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh 1995; Bộ ngoại giao, Ban nghiên cứu lịch sử ngoại giao, *Vận dụng tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh thời kỳ hội nhập quốc tế*, Nxb, CTQG, Hà Nội 2009; *Quán triết, vận dụng quan điểm Đại hội X của Đảng vào giảng dạy các môn lý luận chính trị*, Nxb CTQG, Hà Nội 2007; Bộ ngoại giao - Học viện QHQT, *Hỏi đáp về linh hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta*, Nxb CTQG, Hà Nội 199... Những công trình trên có đặc điểm chung là nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh và ĐLĐN của cách mạng Việt Nam. Khẳng định tư tưởng đối ngoại Chủ tịch Hồ Chí Minh là “*nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam*” cho “*công tác đối ngoại*” và “*hoạt động ngoại giao*” của Đảng và Nhà nước. Đánh giá, dự báo tình hình, nắm bắt thời cơ, tổ chức lực lượng, nhận rõ bạn, thù, cô lập kẻ thù chủ yếu, tranh thủ đồng minh... trong hội nhập sâu rộng vào khu vực và quốc tế; yêu cầu, nhiệm vụ “*mở rộng QHĐN*” trong điều kiện, hoàn cảnh mới.

*Nhóm các bài viết đăng trên các Tạp chí khoa học:*

Đồng chí Vũ Khoan, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về hoạt động quốc tế và công tác đối ngoại*, Tạp chí Nghiên cứu quốc tế số 3 (2004); tác giả Nguyễn Cơ Thạch, *Những chuyển biến trên thế giới và tư duy mới của chúng ta*, Tạp chí QHQT, số 1 (1990); tác giả Đinh Xuân Lý, *Đường lối đối ngoại của ĐCS Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2006*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 1 (2008); tác giả Nguyễn Khắc Huỳnh, *Ngoại giao Việt Nam 20 năm đổi mới*, Tạp chí Cộng sản số 820 (2011); tác giả Lê Minh Quang, *Phác họa những nét chủ yếu của thế giới trong thập niên tới*, Tạp chí Cộng sản số 820 (2011); tác giả Nguyễn Duy Bắc, *Sự biến đổi các giá trị văn hoá trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập KTQT*, Tạp chí Nghiên cứu lý luận của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, số 10 (2007); tác giả Nguyễn Mạnh Hùng, *Trào lưu cảnh tả ở Mỹ La Tinh và công cuộc xây dựng CNXH thế kỷ XXI ở Vêneduêla*, Tạp chí Nghiên cứu lý luận chính trị của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2007); Lại Ngọc Hải, *Thực hiện các cam kết với WTO và giữ vững định*

*hướng xã hội chủ nghĩa*, Tạp chí Nghiên cứu lý luận chính trị của Học viện Chính trị (2008); đồng chí Phạm Gia Khiêm, *Từ cách mạng Tháng mười Nga đến quan hệ đối tác chiến lược Việt - Nga*, Tạp chí Cộng sản số 781 (2007); Nguyễn Khắc Sứ, *Khuynh hướng XHCN bước đầu của cánh tả Mỹ - La tinh*, Tạp chí Cộng sản số 78 (2007); đồng chí Nguyễn Minh Triết, *Cách mạng XHCN Tháng Mười Nga và cách mạng Việt Nam*, Tạp chí Cộng sản số 78 (2007); Nông Đức Mạnh, *Việt Nam sẽ có tiếng nói và quyền tham gia quyết định các vấn đề trọng đại liên quan đến hoà bình, phát triển và an ninh quốc tế*, Tạp chí Cộng sản, số 78 (2007); Trịnh Thuý Hương, *Hoạt động văn hoá đối ngoại, những kết quả ban đầu*, Tạp chí Lý luận chính trị số 3 (2008); Nguyễn Đăng Song, *Hugôchavét nhà lãnh đạo cánh tả hàng đầu ở Mỹ La tinh*, Tạp chí Văn hoá quân sự - Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, số 33 (2008); Nguyễn Phúc Sơn, *Tầm cao mới*, Tạp chí Xây dựng Đảng, số 7 (2011).

Những công trình trên đã góp phần tích cực vào việc cụ thể hóa quá trình triển khai thực hiện chiến lược đối ngoại của Đảng trong thời kỳ đổi mới; đồng thời gửi đến bạn bè trên thế giới những nội dung chủ trương, CSDN của Việt Nam trên con đường hội nhập quốc tế.

*Nhóm các đề tài khoa học, luận văn, luận án, kỷ yếu hội thảo khoa học*

Bộ ngoại giao, *“Ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, kỷ yếu hội thảo khoa học”*, Nxb CTQG, Hà Nội 2000; Bộ ngoại giao, Vụ CSDN, *“Tổng kết CSDN và QHQT của Đảng và Nhà nước ta qua 20 năm đổi mới”*, Đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm cấp Bộ, Hà Nội 2004; Nguyễn Phúc Luân, *“Tìm hiểu giá trị thực tiễn tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới”*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học ngoại giao Việt Nam 1975 - 1995; Ban nghiên cứu lịch sử ngoại giao, *“Tư tưởng Hồ Chí Minh dưới góc nhìn của học giả Nhật Bản”*, Hội thảo khoa học quốc tế Việt Nam học lần thứ III, Hà Nội tháng 12-2008; Bùi Trung Thành, *“CSDN của Đảng thời kỳ đổi mới 1986 - 1996”*, Luận văn thạc sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội 1998;



Nguyễn Đình Cả, “*Vai trò của đấu tranh ngoại giao trong việc bảo vệ thành quả cách mạng giai đoạn 1945 - 1946*”, Luận văn thạc sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội 1996; Nguyễn Văn Hoà, “*ĐCS Việt Nam lãnh đạo đấu tranh ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thời kỳ (1965 - 1973)*”, Luận văn thạc sĩ Lịch sử Học viện Chính trị, Hà Nội 2002; Phan Trọng Tám, “*ĐCS Việt Nam với việc đổi mới tư duy đối ngoại trong công cuộc đổi mới (1986 - 2001)*”, Luận văn thạc sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị, Hà Nội 2003; Nguyễn Thị Kim Dung, “*Đảng lãnh đạo hoạt động đối ngoại thời kỳ 1945 - 1946*”, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội 1996; Vũ Quang Vinh, “*ĐCS Việt Nam lãnh đạo HĐĐN thời kỳ 1986 - 1999*”, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội 2000; Nguyễn Đình Thực, “*Chủ trương của ĐCS Việt Nam về QHĐN với ASEAN 1967 - 1995*”, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội 2001...

Có thể khẳng định các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học, các cuộc hội thảo khoa học đã tập trung tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận làm sáng tỏ hơn về chủ trương, đường lối, CSDN của Đảng và Nhà nước ta. Từ đó rút ra những bài học quý góp phần bổ sung cho thực hiện CSDN hiệu quả hơn trong tình hình mới.

Tuy nhiên, thời gian qua chưa có công trình khoa học nào dưới góc độ Lịch sử Đảng, đề cập sâu sắc, có hệ thống về quá trình: “*Đảng lãnh đạo xây dựng ĐLĐN từ năm 2001 đến năm 2010*”, đặc biệt là ĐLĐN theo phương châm mở rộng QHĐN và hội nhập KTQT. Vì vậy, các công trình trên là tài liệu tham khảo có chất lượng giúp tác giả thêm cơ sở lý luận, thực tiễn, tư liệu trong quá trình thực hiện đề tài của mình.

### **3. Mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

#### *Mục đích:*

Làm sáng tỏ chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng về hoạt động mở rộng QHĐN và hội nhập kinh tế, quốc tế từ năm 2001 đến năm 2010; rút ra những kinh nghiệm có giá trị tham khảo, vận dụng vào thực tiễn hiện những năm tiếp theo.

#### *Đối tượng nghiên cứu:*

Đường lối của ĐCS Việt Nam về mở rộng QHĐN và chủ động hội nhập kinh tế, quốc tế.

#### *Phạm vi nghiên cứu:*

Về nội dung: Nghiên cứu chủ trương và sự chỉ đạo hoạt động đối ngoại của Đảng. Tuy nhiên đây là một mảng nội dung lớn nên tác giả xin được tập trung đi sâu vào nội dung *Đảng lãnh đạo xây dựng đường lối đối ngoại theo phương châm đẩy mạnh mở rộng QHĐN và hội nhập kinh tế, quốc tế.*

Về thời gian: Từ năm 2001 đến năm 2010 (có sử dụng các văn kiện, tài liệu của trước và sau những năm 2001- 2010).

Về không gian: Đề tài nghiên cứu trên phạm vi cả nước; đồng thời có đề cập tới khu vực và quốc tế.

### **4. Phương pháp nghiên cứu, kết cấu của công trình nghiên cứu**

#### *Cơ sở lý luận:*

Đề tài được thực hiện trên cơ sở lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm, CSĐN của ĐCS Việt Nam.

#### *Phương pháp nghiên cứu:*

Đề tài vận dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử, logic, sự kết hợp của phương pháp lịch sử và phương pháp logic; ngoài ra còn sử dụng các phương pháp như: thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp, lịch đại, đồng đại, phương pháp chuyên gia...

### *Kết cấu nghiên cứu*

Kết cấu của luận văn gồm: Phần mở đầu, nội dung (gồm 3 chương), kết luận, tài liệu tham khảo.

### **5. Kết quả đạt được của đề tài**

Đề tài góp phần tổng kết sự lãnh đạo của Đảng về mở rộng QHĐN từ năm 2001 đến năm 2010.

Đề tài rút ra một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo trong quá trình nghiên cứu lĩnh vực đối ngoại của Đảng từ năm 2001 đến năm 2010.

Đề tài có thể làm tài liệu tham khảo, phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy Lịch sử ĐCS Việt Nam ở các Học viện, nhà trường trong và ngoài quân đội.

## NỘI DUNG

### CHƯƠNG 1

# ĐẢNG LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI ĐỘC LẬP TỰ CHỦ, MỞ RỘNG ĐA PHƯƠNG HÓA, ĐA DẠNG HÓA QHQT GIAI ĐOẠN 2001-2005

## 1.1. Cơ sở hoạch định đường lối đối ngoại theo phương châm mở rộng đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế.

*Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của CSDN*

Chủ nghĩa Mác- Lênin chỉ rõ CSDN là sự tiếp nối chính sách đối nội, là bộ phận quan trọng trong đường lối chính trị và chính sách của mọi quốc gia, dân tộc. Mục tiêu của học thuyết là “Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại” giải phóng giai cấp, xã hội và con người. Sự nghiệp của giai cấp công nhân là sự nghiệp quốc tế. Giai cấp công nhân sẽ không thể tự giải phóng chính mình nếu không giải phóng toàn xã hội.

CSDN là một bộ phận của đấu tranh chính trị Lenin dạy rằng ĐLĐN của các nước XHCN phải nhằm “thiết lập những quan hệ giúp cho tất cả các dân tộc bị áp bức có thể gạt bỏ được các đế quốc chủ nghĩa”[18, 589], và tập hợp được những điều kiện thuận lợi nhất cho “việc phát triển và củng cố cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa”[19, 507].

Quan điểm của các nhà kinh điển chỉ ra rằng một quốc gia, một dân tộc thì tất yếu phải thực hiện CSDN để tập hợp bạn bè quốc tế, tranh thủ những điều kiện thuận lợi và sự giúp đỡ của các nước nhằm xây dựng thực lực của đất nước, giành thắng lợi cho cách mạng và góp phần giải quyết những vấn đề quốc tế chung.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại là hệ thống quan điểm về quốc tế, về chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam trong quan hệ với thế giới. Hệ thống quan điểm đó được thể hiện ở những nội dung. Mục tiêu đối ngoại, tập hợp

và mở rộng lực lượng, các phương châm đối ngoại, phương pháp và nghệ thuật đấu tranh ngoại giao nhằm giành thắng lợi cho cách mạng Việt Nam.

Thứ nhất, mục tiêu đối ngoại: là nhằm đảm bảo lợi ích của quốc gia, dân tộc, bao gồm các quyền dân tộc cơ bản như: độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất đất nước, tự do hạnh phúc cho nhân dân. Điều đó được khẳng định trong tuyên ngôn độc lập của Nhà nước Việt Nam mới: “Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do độc lập, toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”[23, 9]. Thông qua Tuyên ngôn độc lập chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định ĐLĐN độc lập, tự chủ của dân tộc Việt Nam trong quan hệ chính trị quốc tế. Bởi vì, chỉ những quốc gia độc lập, tự do mới có quyền quyết định ĐLĐN của dân tộc mình.

Thứ hai, về mở rộng và tập hợp lực lượng. Xác định đối ngoại là một mặt trận, Hồ Chí Minh chủ trương mở rộng quan hệ với tất cả các nước, tranh thủ mọi lực lượng và hình thức đấu tranh nhằm đạt hiệu quả cao nhất về đối ngoại.

Người cho rằng, thắng lợi ngoại giao tùy thuộc vào sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, sức mạnh về kinh tế, sức mạnh về chính trị, sức mạnh về quân sự và văn hoá của đất nước. Với bên ngoài, Hồ Chí Minh chủ trương mở rộng các lực lượng theo phương châm “thêm bầu bạn, bớt kẻ thù”, tránh đối đầu không gây thù oán với bất cứ nước nào; khai thác những “điểm tương đồng” và những khả năng có thể nhằm tập hợp lực lượng, hình thành mặt trận đoàn kết ủng hộ Việt Nam một cách rộng rãi và sâu sắc nhất.

Thứ ba, về phương châm đối ngoại và phương pháp đấu tranh ngoại giao. Nhấn mạnh quan điểm độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, Người nói: “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào”[24, 552]. Điều đó có nghĩa là dân tộc Việt Nam phải tự mình vạch ra đường lối, CSDN độc lập, tự chủ trên cơ sở lợi ích quốc gia và phù hợp với chuẩn mực quốc tế, thích ứng với xu thế của thời đại.

### *Tình hình thế giới và khu vực*

Sự sụp đổ chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu đầu thập niên 1990 làm cho cục diện thế giới và QHQT thay đổi một cách cơ bản. CNXH hiện thực lâm vào thoái trào, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bị khủng hoảng sâu sắc, toàn diện. Cơ cấu địa - chính trị và sự phân bố quyền lực toàn cầu bị đảo lộn, cán cân so sánh lực lượng thế giới nghiêng về phía có lợi cho chủ nghĩa tư bản.

Sau gần nửa thế kỷ tồn tại kể từ sau chiến tranh thế giới II, trật tự thế giới hai cực chấm dứt. Quá trình hình thành trật tự thế giới mới chứa đựng nhiều yếu tố bất trắc, khó đoán định, trong đó nổi lên hai khuynh hướng đối nghịch nhau: Mỹ với khát vọng thiết lập “*trật tự thế giới đơn cực*”, trong khi Nga, Trung Quốc và một số nước lớn khác đấu tranh cho một trật tự thế giới đa cực. Càng về những năm gần đây, cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng đơn cực và đa cực, đơn phương và đa phương diễn ra càng gay gắt với ưu thế rõ nét của khuynh hướng “*đa cực*”, đa phương. Diễn biến của tình hình thế giới cho thấy: Cục diện thế giới đa cực ngày càng rõ hơn, xu thế dân chủ hóa trong QHQT tiếp tục phát triển nhưng các nước lớn vẫn sẽ chi phối các QHQT [11, 183]. Trong những năm tới, “*cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn*” [12, 71]. Với những chuyển biến đó, tính chất và nội dung giao lưu quốc tế thay đổi nhanh chóng với vị trí ưu tiên hàng đầu thuộc về yếu tố kinh tế. Phương thức tập hợp lực lượng trong QHQT thay đổi mạnh, trở nên rất cơ động, linh hoạt, “*vừa có hợp tác vừa có đấu tranh*”. Mặc dù có hợp tác, có cạnh tranh và đấu tranh nhưng vẫn tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng.

Cuộc CM KH-CN, đặc biệt là thành tựu có bước tiến nhảy vọt của công nghệ thông tin, tác động sâu sắc tình hình kinh tế, chính trị xã hội và QHQT. Cuộc cách mạng này thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ chưa từng thấy của lực lượng sản xuất thế giới. Tuy nhiên, những “*thành tựu KH&CN hiện đại*” lại chủ yếu thuộc về các nước phát triển do họ có thực lực kinh tế, tiềm lực khoa học hùng mạnh

cùng với mạng lưới công ty xuyên quốc gia vươn rộng khắp hành tinh. Các nước đang phát triển do những hạn chế về nhiều mặt nên không dễ dàng có thể tiếp cận những “thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến”, thậm chí đứng trước nguy cơ trở thành nơi thu nhận những công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường được chuyển giao từ các nước phát triển.

Cuộc CM KH-CN khiến cho sự phát triển kinh tế ngày càng phụ thuộc vào nhân tố tri thức - trí tuệ, tạo ra bước ngoặt hình thành nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin. Xu thế phát triển kinh tế tri thức tác động mạnh mẽ đến đến tất cả các quốc gia, dân tộc tạo ra những thay đổi căn bản không chỉ trong đời sống KT-XH, mà trong cả so sánh lực lượng cũng như ngôi vị của mỗi quốc gia trên trường quốc tế.

Toàn cầu hoá kinh tế phát triển mạnh mẽ thu hút ngày càng nhiều nước tham gia. Trong xu thế toàn cầu hóa, tự do hóa kinh tế và cải cách thị trường diễn ra phổ biến. Các nền kinh tế dựa vào nhau, liên kết với nhau, xâm nhập lẫn nhau, khiến cho tính tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước ngày càng tăng. Toàn cầu hoá thúc đẩy hợp tác, phân công lao động quốc tế và tăng trưởng kinh tế. Mọi hình thức hợp tác, liên kết kinh tế trở nên nhiều vẻ và rất phong phú về nội dung, tạo điều kiện phát triển giao lưu văn hoá và tri thức quốc tế, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau và tình hữu nghị giữa các dân tộc...

Tuy nhiên, xu thế toàn cầu hóa đang bị một số nước lớn và tập đoàn tư bản xuyên quốc gia chi phối, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh. Mặt khác, toàn cầu hoá là một quá trình đầy mâu thuẫn. Trước hết, đó là mâu thuẫn giữa một bên là lợi ích của các thế lực tư bản, đế quốc cường quyền với một bên là chủ quyền của các quốc gia dân tộc; giữa tăng trưởng kinh tế với bất công xã hội; giữa áp lực của tư bản độc quyền xuyên quốc gia với con đường phát triển mà các nước lựa chọn phát triển; giữa các lực lượng lợi dụng toàn cầu hóa để mở rộng bóc lột kinh tế, áp đặt chính trị với các lực lượng đấu tranh chống toàn cầu hóa phi nhân bản, bảo vệ độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

Do đó, toàn cầu hóa không chỉ thuần túy là một quá trình kinh tế- kỹ thuật, mà còn là cuộc đấu tranh KT-XH, kinh tế - chính trị và văn hoá - tư tưởng rất gay gắt với thời cơ và thách thức đan xen nhau đối với nhiều nước, nhất là các nước đang phát triển.

Thời kỳ sau chiến tranh lạnh, đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc vẫn tiếp tục diễn ra gay go, phức tạp. Nguy cơ chiến tranh thế giới bị đẩy lùi, song nhiều cuộc chiến tranh cục bộ, tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, can thiệp lật đổ, xung đột sắc tộc và tôn giáo, chạy đua vũ trang, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên xảy ra ở nhiều nơi. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng ngày càng nổi lên trong QHQT [12, 71]. Trong bối cảnh đó, lợi dụng sự thoái trào của CNXH, các thế lực đế quốc ráo riết chống phá phong trào cách mạng thế giới, gia tăng “diễn biến hoà bình” nhằm xoá bỏ các nước XHCN. Các thế lực này bằng nhiều thủ đoạn như bao vây, cấm vận kinh tế, gây bạo loạn, lật đổ hoặc trực tiếp phát động chiến tranh xâm lược, áp đặt sự lệ thuộc đối với các nước đang phát triển, đồng thời tìm cách dập tắt các cuộc đấu tranh của công nhân và lao động ở các nước tư bản phát triển, đẩy mạnh chống phá các phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc có những biểu hiện mới với hình thức và nội dung đa dạng. Cùng với đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc ở các nước theo XHCN, thì tại nhiều nước diễn ra cuộc đấu tranh chống âm mưu can thiệp, lật đổ thông qua “cách mạng màu sắc”. Phong trào đấu tranh chống các chính sách của chủ nghĩa tự do mới, chống mặt trái của toàn cầu hóa diễn ra sôi nổi, lôi cuốn hàng triệu người tham gia. Mục tiêu đấu tranh không chỉ là bảo vệ nền độc lập dân tộc, cải thiện mức sống, bảo đảm an sinh xã hội, mà còn vì hòa bình, dân chủ, chống chiến tranh, chống áp bức dân tộc, bảo vệ môi trường...

Các nước lớn là nhân tố rất quan trọng đối với sự phát triển của thế giới. Một số cường quốc có sức chi phối lớn nền chính trị, kinh tế thế giới và QHQT,



trong đó Mỹ vẫn có ưu thế khá nổi trội, tỏ rõ tham vọng “lãnh đạo” thế giới. Sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nước lớn, các trung tâm tư bản quốc tế làm thu hẹp đáng kể khoảng cách chênh lệch thực lực kinh tế giữa họ. Quan hệ giữa các nước lớn rất đa dạng về cấp độ và luôn thay đổi, chuyển hoá hết sức phức tạp, khó lường. Các nước lớn vừa đấu tranh, kiềm chế vừa hợp tác, thoả hiệp và vì lợi ích của mình nhìn chung đều tránh đối đầu trực diện với nhau.

Nhân loại đứng trước nhiều vấn đề bức xúc mang tính toàn cầu mà một quốc gia đơn lẻ nào có thể tự giải quyết được nếu không có sự hợp tác đa phương. Những vấn đề toàn cầu cấp bách nhất đe dọa sự sống và sự phát triển bền vững của loài người trước hết là tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, sự bùng nổ dân số, những bệnh dịch hiểm nghèo, tội phạm quốc tế, an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực... Những nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế nhiều năm qua đã đưa lại một số kết quả trong việc làm giảm thiểu hiệu ứng nhà kính, xử lý nguồn nước và rác thải, chữa trị các bệnh lây nhiễm HIV/AIDS, SARS, dịch cúm gia cầm.... Nhưng, tính chất nghiêm trọng và phức tạp của những vấn đề toàn cầu tiếp tục đòi hỏi các nước phải tích cực phối hợp, hợp tác một cách hiệu quả thiết thực cả trong khuôn khổ song phương cũng như đa phương.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á tiếp tục phát triển năng động. Hợp tác khu vực diễn ra sôi động trên nhiều tầng nấc từ liên khu vực đến hợp tác theo nhóm nước và song phương, từ tập trung trong lĩnh vực kinh tế mở rộng trên các lĩnh vực chính trị, an ninh... Bên cạnh đó, sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn rất gay gắt, kiềm chế lẫn nhau ngày càng sâu sắc. Tính năng động cao của các quá trình hợp tác, liên kết, hội nhập khu vực ảnh hưởng tích cực đến việc hình thành một cấu trúc khu vực mới có lợi cho hòa bình, ổn định và phát triển. Tuy nhiên, tại khu vực này cũng tiềm ẩn nhiều nhân tố gây mất ổn định như: tranh chấp về ảnh hưởng và quyền lực, về biên giới, lãnh thổ,

biển đảo, tài nguyên giữa các nước cùng với những bất ổn kinh tế, chính trị, xã hội ở một số nước.

Tình hình thế giới và khu vực với những đặc điểm và xu thế nêu trên quy định tính đa dạng hoá, đa phương hoá trong CSDN của các nước, trong đó có Việt Nam. Các nước đều tiến hành điều chỉnh CSDN, tìm cách hội nhập ngày càng sâu rộng với khu vực và thế giới vì mục tiêu phát triển.

### *Tình hình và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam*

Tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, ĐCS Việt Nam đã mở đầu quá trình đổi mới toàn diện và có những cải cách sâu sắc, triệt để mang tầm vóc có ý nghĩa cách mạng. Đại hội VI của Đảng xác định rõ những nhiệm vụ KT-XH có ý nghĩa vừa cơ bản, vừa trước mắt là giải phóng sức sản xuất, tập trung phát triển kinh tế xã hội để nhanh chóng vượt ra khỏi khủng hoảng kinh tế, phá thế bị bao vây cấm vận của các thế lực thù địch và mở rộng QHĐN. Triển khai đường lối đổi mới về kinh tế, Việt Nam từng bước xây dựng nền sản xuất hàng hóa nhiều thành phần, dưới sự điều tiết của Nhà nước, khuyến khích sự đóng góp của mọi thành phần kinh tế để tạo ra nhiều sản phẩm, hàng hóa cho xã hội. Những thành tựu bước đầu đạt được trong phát triển kinh tế đã góp phần tích cực làm dịu bớt những căng thẳng KT-XH, khẳng định đường lối đổi mới hoàn toàn đúng đắn.

Từ thập niên 90 thế kỷ XX, nền kinh tế Việt Nam chuyển mạnh từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường, hình thành ngày càng đồng bộ các yếu tố thị trường. ĐCS Việt Nam xác định xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ lên CNXH. Nhờ có sự nỗ lực vượt bậc với những bước đổi mới mang tính đột phá, nền kinh tế Việt Nam đến giữa thập niên 90 đã vượt qua thời kỳ khủng hoảng và bắt đầu phát triển khá nhanh chóng. Điều đó góp phần tích cực đối với việc giữ vững ổn định chính trị xã hội, phá được thế bị bao vây cấm vận của các

thế lực đế quốc thù địch, mở rộng QHQT, tạo đà cho đất nước phát triển trong các giai đoạn tiếp theo.

Trong quá trình 30 năm đổi mới, Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. *“Đất nước vượt ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường; văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi, cải thiện quan trọng. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng được mở rộng; đại đoàn kết dân tộc được củng cố và tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên, tạo cơ sở thuận lợi để kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao”*.

Những thành tựu trong chặng đường thứ hai của công cuộc đổi mới là nền tảng quan trọng để Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam tiếp tục kiên định mục tiêu chiến lược và nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là *xây dựng thành công CNXH vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*. Trong giai đoạn hiện nay, ĐCS Việt Nam xác định rõ một trong những nhiệm vụ, mục tiêu quan trọng hàng đầu của cách mạng Việt Nam là: *“Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”*[12, 77]. Mặc dù vậy, Việt Nam hiện nay vẫn đứng trước một số nguy cơ lớn đòi hỏi phải vượt qua như: nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới; nguy cơ chệch hướng XHCN; nạn tham nhũng và tệ quan liêu vẫn gay gắt; nguy cơ “diễn

biến hòa bình” của đế quốc và các lực lượng thù địch. Mặt khác, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, về đạo đức, về lối sống, các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” “trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức diễn biến phức tạp; khoảng cách giàu – nghèo, phân hóa xã hội ngày càng tăng, làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng và Nhà nước”. Nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo có nhiều khó thách thức lớn. Tình hình chính trị - xã hội tiềm ẩn những nguy cơ mất ổn định ở một số địa bàn.

Là một bộ phận hợp thành đường lối chung của ĐCS Việt Nam, đường lối và CSDN phải góp phần đưa đất nước vượt qua những nguy cơ, thách thức đang đặt ra nhằm thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Đường lối và CSDN đổi mới của Đảng và Nhà nước Việt Nam được hoạch định nhằm tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài, kết hợp một cách hiệu quả “sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại”, phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo định hướng XHCN.

## **1. 2. Đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng đa phương hóa, đa dạng hóa QHQT của Đảng**

Ngày 19/04/2001, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX diễn ra tại Hà Nội. Đảng đã đề ra CSDN thời gian tới trên cơ sở tiếp tục phát huy tinh thần của các Đại hội VI, VII, VIII. Đó là: thực hiện nhất quán ĐLĐN tự chủ, mở rộng đa phương hóa, đa dạng hóa các QHQT, Việt Nam muốn là bạn và là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Độc lập là không bị lệ thuộc, phụ thuộc vào bên ngoài cũng như sự toàn vẹn lãnh thổ không bị nước ngoài đe dọa. Tự chủ thể hiện khả năng một nước tự kiểm soát được các tiến trình, nhất là tiến trình chính sách, trong phạm vi quản lý của mình, không bị nước ngoài can thiệp. Như vậy, có độc lập thì có điều kiện tự chủ, muốn tự chủ thì phải độc lập, tự chủ nhiều chứng tỏ có độc lập nhiều và ngược lại; giữ quyền tự chủ là giữ độc lập. Trên thực tế mở rộng QHĐN càng tự chủ bao nhiêu thì độc lập dân tộc càng được giữ vững bấy nhiêu.

Đa phương hóa là đề cập đến nhiều đối tác trong quan hệ, nhưng vẫn có ưu tiên nhất định đối với các đối tác truyền thống và đối tác chiến lược. Đa dạng hóa là đề cập đến việc sử dụng nhiều hình thức quan hệ để thực hiện đa phương hóa. Đây là mấu chốt quan trọng trong đối ngoại vừa mềm dẻo vừa linh hoạt cho phép ta “thêm bạn, bớt thù”, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi để tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài để phát triển đất nước.

Điểm phát triển mới trong chủ trương đối ngoại của Đại hội IX xác định: “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế...”, thay cho cụm “Việt Nam muốn là bạn với các nước trong cộng đồng quốc tế...” trước đó. Vấn đề ở đây không phải chỉ là sự thay đổi từ ngữ mà là thể hiện sự thay đổi nhận thức sâu sắc hơn bối cảnh và thực chất QHQT; đồng thời xác định rõ hơn thái độ của Việt Nam trong mở rộng QHĐN.

Sau Đại hội IX, Hội Trung ương 8, khóa IX (7-2003) khẳng định chủ trương Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế... vừa nhấn mạnh mục đích củng cố môi trường quốc tế thuận lợi đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tranh thủ vốn, công nghệ phục vụ cho công cuộc CNH, HĐH; nâng cao vị thế của nước ta trong khu vực và trên thế giới; ưu tiên phát triển sự hợp tác với các bạn láng giềng, chú trọng thúc đẩy quan hệ với các nước và các trung tâm lớn, đồng thời đề phòng việc thỏa hiệp có hại cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Đây là bước cụ thể hóa trong nhận thức và hành động của Đảng về thiết lập, phát triển quan hệ với các nước bằng việc đưa ra và xác định đối tác và đối tượng trong QHQT. Nhận thức mới của Đảng là định hướng phương pháp luận cho các cơ quan, chính quyền Nhà nước, ở mọi cấp trong xây dựng kế hoạch và triển khai các HĐĐN sát với thực tế hơn và có tính khả thi cao hơn.

Đại hội IX nêu cũng đã chỉ ra cơ hội và những thách thức của việc mở rộng QHĐN, chủ động hội nhập KTQT như sau:

*Cơ hội:* Xu thế hoà bình, hợp tác phát triển và xu thế toàn cầu hoá kinh tế tạo

thuận lợi cho nước ta mở rộng QHĐN, hợp tác phát triển kinh tế. Mặt khác, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đã nâng cao thế và lực của nước ta trên trường quốc tế, tạo tiền đề mới cho QHĐN và hội nhập quốc tế [9,52].

*Thách thức:* Nền kinh tế Việt Nam phải chịu sức ép cạnh tranh gay gắt trên cả 3 cấp độ: sản phẩm, doanh nghiệp, quốc gia. Những biến động trên thị trường thế giới sẽ tác động nhanh và mạnh hơn đến thị trường trong nước, tiềm ẩn nguy cơ gây rối loạn, thậm chí khủng hoảng kinh tế - tài chính. Lợi dụng toàn cầu hoá, các thế lực thù địch sử dụng chiêu bài nhân quyền, dân chủ chống phá chế độ và sự ổn định, phát triển của nước ta.

Cơ hội và thách thức nêu trên có tác động lẫn nhau, có mối quan hệ chuyển hoá qua lại. Cơ hội không thể tự nó phát huy được tác dụng mà còn phụ thuộc vào việc có thể tận dụng cơ hội đó hay không. Nếu chúng ta tận dụng tốt cơ hội không những sẽ tạo ra thế và lực mới để vượt qua thử thách mà còn tạo ra những cơ hội lớn hơn nữa. Ngược lại nếu không biết nắm bắt thời cơ, tận dụng cơ hội thì có thể sẽ bỏ lỡ những cơ hội đó, thậm chí thách thức cũng sẽ tăng lên và lấn át cơ hội dẫn đến sự phát triển bị cản trở. Thách thức thật sự có sức ép trực tiếp, nhưng nó tác động đến mức nào còn tùy thuộc vào năng lực của chúng ta. Nếu ta tích cực chuẩn bị đồng thời đưa ra những giải pháp thiết thực nhằm khắc phục hiệu quả, vươn lên trên sức ép đó thì có thể biến thử thách thành động lực cho sự phát triển

Trên cơ sở phân tích những cơ hội và thách thức Đại hội IX đã đưa ra quan điểm và làm rõ mục tiêu, phương hướng và biện pháp thực hiện công tác đối ngoại trong thời kỳ mới cụ thể như sau:

*Quan điểm của Đảng về đối ngoại độc lập, tự chủ, mở rộng, đa phương hóa, đa dạng hóa QHQT.*

Đại hội lần thứ IX của Đảng xác định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc

tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”[9, 42].

Đại hội chủ trương *chủ động hội nhập KTQT và khu vực* theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng XHCN, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường.

Đại hội IX, nhấn mạnh yêu cầu hội nhập KTQT với tinh thần “chủ động”. Chủ động hội nhập kinh tế là hoàn toàn chủ động quyết định đường lối, chính sách hội nhập KTQT, không để rơi vào thế bị động; phân tích lựa chọn phương thức hội nhập đúng, dự báo được những tình huống thuận lợi và khó khăn khi hội nhập KTQT. Chủ động và tích cực hội nhập KTQT phải là ý thức, quyết tâm của Đảng, Nhà nước, toàn dân của mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và toàn xã hội. Phát triển chủ trương “*Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới*” của Đại hội VII, thành chủ trương “*Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế*”.

Như vậy, Đại hội IX (tháng 4 năm 2001) thể hiện lập trường nhất quán của Đảng ta trong việc nâng cao tinh thần “độc lập tự chủ, tự lực, tự cường” đi đôi với đa phương hoá, đa dạng hoá trong QHQT. Điểm mấu chốt của đại hội IX là: thay cụm từ “Việt Nam muốn là bạn” bằng cụm từ “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy”; chủ trương chủ động hội nhập KTQT và khu vực.

*Mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng của đường lối.*

- *Nhiệm vụ của công tác đối ngoại:* Việc xác định nhiệm vụ và mục tiêu đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta luôn dựa trên cơ sở lợi ích quốc gia đồng thời quan tâm đúng mức đến nghĩa vụ quốc tế. của Đảng với tư cách là Đảng cầm quyền ở Việt Nam hiện nay. Lợi ích quốc gia, dân tộc cơ bản nhất, cao nhất về đối ngoại là tạo lập được môi trường quốc tế hòa bình thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước và phát triển KT-XH.

Giữ vững hòa bình và tạo lập môi trường quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát

triển KT-XH, CNH, HDH đất nước, góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền và an ninh quốc gia, đồng thời tham gia ủng hộ tích cực nhiều hơn vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới. [9, 42].

*- Phương hướng đối ngoại hướng tới mở rộng QHĐN*

Đảng ta xác định phải “*coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị*”, đồng thời mở rộng “*hợp tác với các nước XHCN và các nước láng giềng*”. Trong đó đặc biệt nhấn mạnh nâng cao hiệu quả và chất lượng hợp tác với các nước ASEAN, cùng xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, không có vũ khí hạt nhân, ổn định, hợp tác cùng phát triển.

Tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ủng hộ và cùng nhân dân thế giới đấu tranh nhằm loại trừ hoàn toàn vũ khí hạt nhân, vũ khí sinh học và mọi phương tiện chiến tranh hiện đại giết người hàng loạt; bảo vệ hòa bình, chống nguy cơ chiến tranh và chạy đua vũ trang; tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự lựa chọn con đường phát triển của mỗi dân tộc trên thế giới; góp phần xây dựng trật tự chính trị, KTQT dân chủ, công bằng.

Một trong những phương hướng đặt ra, Đảng ta đặc biệt nhấn mạnh phải củng cố quan hệ hợp tác, đoàn kết với các ĐCS và phong trào cách mạng của giai cấp công nhân, với các đảng cánh tả, các phong trào đấu tranh giải phóng và giành độc lập dân tộc, các phong trào cách mạng của lực lượng tiến bộ trên thế giới.

*Chính sách và giải pháp của Đảng về mở rộng hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế*

Những nội dung trên đây cho thấy, so với Đại hội VIII, Đại hội IX có sự bổ sung, phát triển về phương hướng CSDN với các đối tác cụ thể như:

Một, xác định hướng ưu tiên của Đảng và Nhà nước trong CSDN thời gian này là: “*coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước XHCN*” (trước đó, hướng ưu tiên được xác định ở Đại hội VIII là: “*coi trọng quan hệ với các nước phát triển và các trung tâm kinh tế - chính trị trên thế giới*”) [8, 121];



hướng ưu tiên tiếp theo là: “*coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng*”;

Hai, trước đây, Đại hội VIII xác định: *coi trọng quan hệ với các nước phát triển và các trung tâm kinh tế - chính trị trên thế giới*. Đến Đại hội IX, quan điểm này được điều chỉnh lại: *thúc đẩy quan hệ đa dạng với các nước phát triển và các tổ chức quốc tế. Đẩy mạnh hoạt động ở các diễn đàn đa phương*;

Ba, nhấn mạnh việc nâng cao chất lượng hợp tác với các nước trong khối ASEAN, thay thế cho chủ trương của Đại hội VIII là: *ra sức tăng cường quan hệ với các nước ASEAN*;

Bốn, đến Đại hội IX, trong điều kiện mở rộng QHĐN của Nhà nước ta ngày càng được tăng cường, Đảng đặt ra yêu cầu cao và cụ thể hơn nữa với hoạt động này. Trong đó nhấn mạnh: “*Nâng cao hiệu quả hợp tác với các TCPCP quốc gia và quốc tế,... Phối hợp chặt chẽ hoạt động ngoại giao của Nhà nước, hoạt động đối ngoại của Đảng và hoạt động đối ngoại nhân dân*”[8, 122];

Năm, với công tác chỉ đạo, Đại hội IX khẳng định vấn đề chủ yếu, vấn đề cốt lõi của hội nhập khu vực, quốc tế là hội nhập về kinh tế, với định hướng: “*Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế*” [9,120];

Sáu, trên cơ sở cảm nhận đầy đủ “lực” và “thế” của nước ta sau khoảng 15 năm tiến hành đổi mới, phương châm đối ngoại được Đại hội IX phát triển từ “*Việt Nam muốn là bạn với các nước trong cộng đồng quốc tế phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển*” của Đại hội VII thành “*Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển*”[9, 119].

Lần đầu tiên chủ trương xây dựng quan hệ đối tác được xác định trong ĐLĐN. Mô hình quan hệ đối tác chiến lược (Strategic partnership) được coi là mô hình hợp tác ở mức độ cao và quan trọng hơn so với hợp tác quốc tế thông

thường. Đây là hình thức hợp tác vừa hướng vào các mục tiêu cụ thể, vừa có ý nghĩa quan hệ lâu dài. Theo đó, mô hình quan hệ đối tác được hình thành trên cơ sở các điều kiện như: một là, phải trên một nền tảng quan hệ chung trước đó đã khá phát triển; hai là, thoả thuận về các lĩnh vực quan hệ hợp tác, phạm vi hợp tác phải rõ ràng và phải được chính thức hoá bằng các văn kiện cụ thể; ba là, phải có cơ chế quản lý hiệu quả hoạt động giữa các đối tác, nhằm bảo đảm tính thiết thực, tính lâu dài của mối quan hệ đối tác\*.

Ý nghĩa của chủ trương trên được thể hiện: “Từ chỗ các HĐĐN thiên về bảo vệ các lợi ích chính đáng của dân tộc chuyển sang trạng thái vừa giữ vững mục tiêu, vừa phát huy, đề cao vai trò, vị trí của Việt Nam trên trường quốc tế, tham gia một cách chủ động vào các diễn đàn khu vực và quốc tế”\*\*. Chủ trương xây dựng quan hệ đối tác ở Đại hội IX đánh dấu mốc quan trọng bước phát triển về chất trong tư duy đối ngoại và QHQT của Việt Nam thời kỳ đổi mới.

Mặt khác, cũng từ phương châm đối ngoại của Đại hội IX, thể hiện ý nghĩa tích cực trên cả hai lĩnh vực: về chính trị đối ngoại, là sự khẳng định vị thế mới của đất nước trong quan hệ chính trị quốc tế (chuyển từ vị thế được xác định ở Đại hội VII “Việt Nam muốn là bạn” sang “Việt Nam sẵn sàng là bạn” với các nước); về quan hệ kinh tế đối ngoại, với việc xác định Việt Nam là “đối tác tin cậy” “hợp tác bình đẳng, cùng có lợi” với các nước trong cộng đồng quốc tế - đã khẳng định vị thế nền kinh tế nước nhà trong quan hệ KTQT. Và, qua phương châm đối ngoại của mình, Việt Nam gửi thông điệp đến với thế giới - Mục tiêu đối ngoại chính trị, đối ngoại kinh tế của Việt Nam là “phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”.

### **1.3. Đảng chỉ đạo thực hiện ĐLĐN mở rộng QHQT**

---

\* Xem thêm:

- Dmitri Danilov & Stephan de Spiegeleire, “From Decoupling to Recoupling: A New Security Relationship between Russia and Western Europe?”, Chaillor Paper 31, number 4, WEU institute for Security Studies, Paris. 1998.

- John Egan, *Managing Partnership: Preventing and Solving Problems in strategic Partnership*, Sydney: Allen and Unwin. 2001, Paper 3

\*\*Báo Nhân dân, ngày 29-12-2005

Chủ trương và chỉ đạo mở rộng nhiều mặt đa phương và song phương các QHĐN của Đảng và Nhà nước từ năm 2001 đến năm 2005 đã được triển khai, tổ chức thực hiện chủ động, sáng tạo, xác định hướng ưu tiên đối với các nước láng giềng, khu vực, các nước hữu nghị truyền thống, Phong trào Không liên kết; các nước lớn và mở rộng quan hệ với những nước khác; vận dụng mềm dẻo, linh hoạt trong tình hình cụ thể đã thu được kết quả trên nhiều lĩnh vực góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những thành tựu đạt được tạo ra tiềm lực mới, tầm cao mới, tạo tiền đề cho Việt Nam nhận thức đầy đủ hơn tình hình thế giới, trong nước để bổ sung, điều chỉnh chủ trương, chính sách mở rộng đối ngoại trong thời gian tới.

Nhằm đẩy mạnh hơn nữa chủ trương hội nhập KTQT, ngày 27-11-2001, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW Về hội nhập KTQT. Bộ Chính trị làm rõ hơn mục tiêu và những nhiệm vụ của quá trình hội nhập KTQT. Về quan điểm chỉ đạo, yêu cầu quán triệt chủ trương: chủ động hội nhập KTQT và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế. Bộ Chính trị đề ra 9 nhiệm vụ cụ thể và 6 biện pháp tiến hành quá trình hội nhập KTQT để tạo thế và lực mới cho sự nghiệp phát triển KT-XH.

Tháng 7-2003, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) họp và ra *Nghị quyết Về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*. Nghị quyết thể hiện những nhận thức mới của Đảng về nguyên tắc xác định đối tác và đối tượng trong QHQT của Việt Nam, đó là:

- Những ai tôn trọng độc lập chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác của Việt Nam;

- Bất kể lực lượng nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của cách mạng Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng đấu tranh;

- Phải nhận thức rõ, trong mỗi đối tượng vẫn có thể có mặt cần phải tranh thủ, hợp tác; trong một số đối tác, có thể còn những mặt khác biệt, mâu thuẫn với

lợi ích của ta. Từ cách tiếp cận đó, phải khắc phục cả hai khuynh hướng mơ hồ mất cảnh giác hoặc cứng nhắc trong nhận thức, chủ trương và trong xử lý các tình huống cụ thể.

Ngày 5-1-2004, “*Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*” họp. Từ thực tiễn công tác đối ngoại và để đáp ứng yêu cầu mới của tình hình quốc tế đồng thời đề ra các chủ trương đối ngoại như:

- Tiếp tục củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam và các nước láng giềng có chung biên giới, các nước XHCN và các nước trong khu vực”. Tích cực chủ động góp phần giữ vững các nguyên tắc cơ bản của ASEAN, tăng cường gắn kết trong Hiệp hội, hạn chế tác động phân hóa từ bên ngoài, đẩy mạnh hợp tác kinh tế;

- Tiếp tục thúc đẩy quan hệ với các nước lớn trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, không can thiệp công việc nội bộ của nhau, xử lý khôn khéo trong quan hệ, hết sức tránh bị rơi vào thế đối đầu, cô lập hay lệ thuộc;

- Thúc đẩy quan hệ với các nước đang phát triển, nâng cao vị thế Việt Nam trong Phong trào không liên kết, mở rộng quan hệ với các nước Châu Phi...;

- Tích cực tham gia các hoạt động ngoại giao đa phương, nâng cao vị thế Việt Nam trong các tổ chức quốc tế;

- Tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác với các ĐCS, công nhân, duy trì quan hệ với các đảng cầm quyền, các chính đảng khác, các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Tăng cường công tác đối ngoại nhân dân[13, 105-106].

Thông qua các nghị quyết chỉ trực tiếp chỉ đạo công tác đối ngoại đã khẳng định quyết tâm của Đảng về hội nhập KTQT, Đảng ta nhân mạnh, phải có bước đi mạnh mẽ hơn, với quyết tâm cao hơn về chủ động trong hội nhập KTQT, thực hiện có hiệu quả các “cam kết” và lộ trình hội nhập KTQT, chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để sớm gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Khẩn trương xây dựng một chiến lược tổng thể chủ động hội nhập KTQT ở tất cả các cấp độ: toàn cầu, khu vực và song phương. Triển khai khẩn trương và đồng bộ

việc chuẩn bị điều kiện các mặt để giành thế chủ động trong hội nhập. Kiên quyết chống lại những biểu hiện của lợi ích cục bộ có thể làm kìm hãm quá trình hội nhập KTQT; công tác xây dựng chiến lược cần được đổi mới, quá trình quy hoạch phát triển KT-XH của cả nước, các ngành, các vùng, các tỉnh phải phù hợp với quá trình mở cửa và hội nhập KTQT[13,87-89].

Chủ trương “Thu hút mạnh hơn nữa đầu tư trực tiếp nước ngoài, đặc biệt là đầu tư của các công ty đa quốc gia, coi đó là biện pháp rất quan trọng để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế và thâm nhập thị trường quốc tế... xoá bỏ quy định không cho nước ngoài đầu tư vào những lĩnh vực ta có thể tự làm, vì chủ trương này trên thực tế chỉ đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp trong nước muốn né tránh cạnh tranh, bất lợi cho nền kinh tế, cho người tiêu dùng và không phù hợp với tiến trình hội nhập KTQT”[1, 107].

Quá trình chỉ đạo ĐLĐN của Đảng đã tập trung vào vấn đề lớn sau:

+ *Coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước XHCN và các nước láng giềng.*

Các nước XHCN có cùng mục tiêu, lý tưởng, dựa trên nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin, xây dựng CNXH hiện thực và trước đây đã có quá trình hợp tác, giúp đỡ nước ta. Coi trọng và phát triển quan hệ với các nước đã thực hiện chủ nghĩa quốc tế trong sáng, sự kiên định lập trường vô sản và tình cảm thủy chung của nhân dân ta, góp phần củng cố CNXH trên thế giới và phát triển CNXH ở Việt Nam, coi trọng độc lập, tự chủ của mỗi Đảng, mỗi nước.

Các nước láng giềng có vai trò rất quan trọng. Coi trọng và phát triển quan hệ với các nước láng giềng có ý nghĩa chiến lược đối với sự ổn định và phát triển của đất nước. Chủ trương của Đảng và Nhà nước ta là luôn coi trọng và tăng cường phát triển quan hệ với Trung Quốc, Lào và Campuchia - điều có ý nghĩa quan trọng để duy trì và phát triển môi trường hoà bình, ổn định lâu dài của nước ta và khu vực.

Các nước Đông Nam Á có vai trò quan trọng. Đây là khu vực phát triển kinh tế năng động có vị trí quan trọng vì quốc phòng, an ninh, chủ trương của chúng ta là phát huy vai trò chủ động và đóng góp tích cực vào hoạt động chung của các nước ASEAN theo hướng nâng cao hiệu quả của chất lượng hợp tác. Thu hẹp khoảng cách kinh tế, giữa các nước phấn đấu xây dựng khu vực Đông Nam Á thành một khu vực hoà bình, ổn định, không có vũ khí hạt nhân và hợp tác cùng phát triển.

+ *Tiếp tục mở rộng quan hệ với với các nước bạn bè truyền thống, các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển.*

Chủ trương của Đảng và Nhà nước ta là tiếp tục mở rộng quan hệ với các nước XHCN ở Đông Âu và Liên Xô trước đây và một số nước khác với có quá trình lịch sử hợp tác nước ta. Tiếp tục mở rộng quan hệ với các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển ở Châu Á, Châu Phi, Trung Đông và Mỹ La Tinh, các nước trong phong trào không liên kết.

Quan hệ của Việt Nam với những nước này đã được thử thách, có quá trình hiểu biết lẫn nhau, vì vậy, kế thừa đồng thời phát triển những truyền thống quan hệ tốt đẹp trước đây lên một bước mới là quan trọng và rất cần thiết. Chúng ta tôn trọng những nguyên tắc, luật pháp và thông lệ quốc tế nhằm ủng hộ, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển và phối hợp bảo vệ lợi ích chính đáng của nhau.

+ *Thúc đẩy quan hệ đa dạng hóa với các nước phát triển và các tổ chức quốc tế. Đẩy mạnh hoạt động ở các diễn đàn đa phương.*

Các nước phát triển tiếp tục có vai trò quan trọng trong QHQT, nhất là trong lĩnh vực kinh tế như nguồn vốn, kinh nghiệm quản lý, KH&CN, thị trường... Các nước này có vai trò lớn và đang chi phối quá trình toàn cầu hóa. Tuy nhiên họ cũng có nhu cầu mở rộng hợp tác, tìm kiếm thị trường. Việt Nam phát triển quan hệ với các nước này, thúc đẩy quan hệ đa dạng, gồm cả quan hệ chính phủ với các nước và các tổ chức quốc tế là rất cần thiết để tranh thủ các thế mạnh của họ cho sự phát triển đất nước, tạo môi trường hòa bình, ổn định lâu dài.

Các diễn đàn và các tổ chức quốc tế có vai trò và tác động rất lớn đối với nền kinh tế và chính trị của thế giới và Việt Nam.

Hoạt động trên các diễn đàn và tham gia tích cực vào các tổ chức quốc tế có ý nghĩa thúc đẩy sự hiểu biết và mở rộng sự hợp tác giữa nước ta với các nước trên thế giới. Chủ trương của ta là đẩy mạnh hoạt động trên các tổ chức và diễn đàn quốc tế để đấu tranh cho hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới, nâng cao uy tín và vị trí quốc tế của nước ta, tranh thủ sự đồng tình và dư luận tiến bộ trên thế giới đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

+ *Tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu.* Thế giới hiện nay đang đứng trước những vấn đề mang tính toàn cầu mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết được như chiến tranh và hòa bình, môi trường, khống chế sự tăng nhanh dân số, phòng chống ma túy và tội phạm quốc tế, đẩy lùi những bệnh hiểm nghèo... Nhận thức đúng và tham gia tích cực giải quyết các vấn đề độc lập, chủ quyền và lợi ích quốc gia của nước ta.

Chúng ta chủ trương ủng hộ cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình của nhân dân trên thế giới, hủy vũ khí hạt nhân và sinh học, các vũ khí giết người hàng loạt, chống nguy cơ chiến tranh và cuộc chạy đua vũ trang, tôn trọng quyền độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ, quyền lựa chọn con đường phát triển của mỗi quốc gia.

Việc tham gia tích cực giải quyết những vấn đề trên thế hiện trách nhiệm của chúng ta trước nhân loại và tạo điều kiện để nhân dân ta có hành động thiết thực trong sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc.

+ *Củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác với các ĐCS và công nhân, với các ĐCS và công nhân với các đảng cánh tả và các phong trào giải phóng và độc lập dân tộc, với các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới.*

Hiện nay, Đảng ta có quan hệ với gần 200 ĐCS và công nhân, Đảng cánh tả và phong trào giải phóng dân tộc và độc lập. Đây là lực lượng cách mạng và tiến bộ, đứng trên tuyến đầu của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các

thể lực phản động, hiếu chiến. Họ đều có quan hệ tốt và cổ vũ thắng lợi của công cuộc đổi mới ở nước ta, bày tỏ tình đoàn kết, sự ủng hộ Việt Nam trên nhiều vấn đề quốc tế. Chủ trương của ta là luôn ủng hộ, đoàn kết hợp tác, tôn trọng độc lập tự chủ, đường lối và công việc nội bộ lẫn nhau và không để ảnh hưởng đến quan hệ giữa nước ta với quốc gia và chính phủ hiện đang là lực lượng đối lập của họ.

+ Tiếp tục mở rộng quan hệ với các Đảng cầm quyền các Đảng cầm quyền hiện nay đều có tiếng nói và có thể mạnh nhất định về chính trị, kinh tế và kinh nghiệm quản lý đất nước. Việc xây dựng quan hệ với các Đảng cầm quyền và thể hiện CSDN rộng mở của chúng ta. Điều đó thúc đẩy thêm quan hệ mới với các chính phủ nước đó, tạo điều kiện để Đảng và Nhà nước ta trao đổi kinh nghiệm cầm quyền, hợp tác kinh tế, văn hóa, KH&CN; chủ trương của ta là tôn trọng độc lập và tự chủ, đường lối và quan điểm của đảng đó, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau tìm ra tiếng nói chung và có giải pháp hiệu quả trong việc mở rộng quan hệ hợp tác.

+ *Tích cực hơn nữa trong mở rộng công tác đối ngoại nhân dân.*

Ngoại giao nhân dân đóng vai trò quan trọng trong việc huy động nguồn lực, trí tuệ khoa học, vốn đầu tư xây dựng đất nước, thúc đẩy giao lưu, hiểu biết lẫn nhau giữa Việt Nam và các nước. Thông qua đó nhân dân thế giới hiểu biết ta hơn và tác động tích cực đến chính phủ ủng hộ, hợp tác với Việt Nam; chúng ta có thêm mặt trận đấu tranh chống thế lực phản động và thù địch, thúc đẩy “hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

Những năm qua ngoại giao nhân dân và quan hệ với các TCPCP ngày càng phát triển và đã góp phần quan trọng và thắng lợi chung của công cuộc đổi mới. Hiện nay, có gần 3 triệu người Việt Nam định cư ở 80 nước và lãnh thổ trên thế giới. Việc triển khai thực hiện *Nghị quyết 36 của Bộ chính trị* khóa IX về công tác đối với người Việt Nam đang sinh sống và làm kinh tế ở nước ngoài đã làm cho các HĐĐN nhân dân càng mạnh hơn. Chủ trương của ta là mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác - hoạt động này nhưng luôn cảnh giác, ngăn ngừa những ý



đồ lợi dụng các cứu trợ, viện trợ nhân đạo.. Vì mục đích chính trị, làm ảnh hưởng đến ổn định và phát triển của đất nước.

Chúng ta đã tích cực mở rộng quan hệ với tất cả các nước, củng cố và tăng cường đoàn kết quốc tế, hợp tác với các nước XHCN, các nước láng giềng, tăng cường quan hệ hợp tác với Trung Quốc theo phương châm *láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai*. Quan hệ đoàn kết hữu nghị và hợp tác toàn diện với Lào được đặc biệt tăng cường. Tăng cường tình hữu nghị, hợp tác với Campuchia. Đoàn kết, gắn bó với các nước khối ASEAN, thúc đẩy xu thế hoà bình và hợp tác cùng phát triển trong khu vực. Tiếp tục đoàn kết, ủng hộ Cu Ba, Triều Tiên. Tiếp tục mở rộng tình hữu nghị với các nước bạn bè truyền thống: thúc đẩy, quan hệ hợp tác tác chiến lược với Nga, hợp tác với các nước trong (SNG) và các nước Đông Âu, mở rộng quan hệ với các nước công nghiệp phát triển như Mỹ, Nhật Bản và Khối EU. Đến nay Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 167 nước và vùng lãnh thổ, giữ vững và phát triển hơn nữa tình hữu nghị truyền thống với các ĐCS và công nhân quốc tế, chúng ta đã xây dựng được quan hệ thương mại với trên 140 nước, quan hệ đầu tư với hơn 70 nước. Đến tháng 7/2004 Việt Nam đã cấp giấy phép cho 5.873 dự án đầu tư nước ngoài. Đóng góp của khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài vào kinh tế Việt Nam ngày càng cao.

Qua 5 năm, quán triệt ĐLĐN của Đại hội IX, chúng ta đã từng bước đạt được nhiều thành tựu to lớn, QHĐN ngày càng được mở rộng, vị thế nước ta trên trường quốc tế được nâng cao... Có thể khẳng định ĐLĐN thời gian có nhiều ưu điểm và phù hợp với tình hình mới. Tuy nhiên, trong thực tiễn khi tiến hành thực hiện đường lối cũng đã chỉ ra những hạn chế yêu cầu Đảng ta cần phải có giải pháp khắc phục trong giai đoạn tiếp theo.

*Về ưu điểm:*

- Quan hệ đoàn kết, hợp tác và hữu nghị với các nước XHCN, các nước láng giềng có chung biên giới đã được củng cố và tăng cường; góp phần tích cực củng

có sự gắn kết, giữ vững những nguyên tắc cơ bản của ASEAN, thúc đẩy hợp tác nội khối và bên ngoài.

Quan hệ hữu nghị nhiều mặt với Trung Quốc được tăng cường theo phương châm 16 chữ, tăng cường tin cậy lẫn nhau, tiến hành phân giới, cắm mốc trên đất liền, thúc đẩy đàm phán nghị định thư về nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ. Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng hợp tác đặc biệt và toàn diện với Lào, đẩy mạnh quan hệ hợp tác, phối hợp và giúp đỡ lẫn nhau giữa các ngành, các cấp các địa phương của hai nước. Quan hệ láng giềng với Campuchia ngày càng thân thiện hơn nữa, đẩy mạnh hợp tác kinh tế, tăng cường giao lưu giữa các địa phương giáp biên giới của hai bên, thúc đẩy đàm phán giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền. Thúc đẩy hợp tác trong tam giác phát triển giữa ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia và các chương trình hợp tác “tiểu vùng sông Mê Công”. Tiếp tục đoàn kết, ủng hộ Cuba trong sự nghiệp xây dựng đất nước, đấu tranh chống bao vây, cấm vận. Duy trì hữu nghị, hợp tác với Cộng hoà Dân chủ nhân dân Triều Tiên.

Thúc đẩy quan hệ song phương với các nước thành viên và tổ chức ASEAN, góp phần tích cực vào việc phục hồi kinh tế, củng cố và tăng cường liên kết nội bộ và giữ vững nguyên tắc cơ bản của ASEAN; mở rộng quan hệ với các đối tác khác, nhất là với các nước lớn; đóng góp tích cực vào việc xây dựng cộng đồng ASEAN theo tầm nhìn 2020; thúc đẩy xu thế hoà bình, ổn định, hợp tác cùng phát triển ở Đông Nam Á.

- Tiếp tục mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác phát triển ổn định, lâu dài với nhiều nước khác trên thế giới. Mở rộng quan hệ bạn bè truyền thống: thúc đẩy quan hệ “đối tác chiến lược” với Nga, sự hợp tác chiến lược với các nước SNG và Đông Âu; mở rộng thêm một bước quan hệ hợp tác với các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển ở Châu Á, Châu Phi, Trung Đông và Mỹ La Tinh; tiếp tục thúc đẩy quan hệ hợp tác phát triển, ổn định lâu dài với các nước lớn khác: Mỹ, EU, Nhật Bản. Tăng cường quan hệ với các tổ chức quốc tế.

- Tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu như xoá đói, giảm nghèo, phòng chống các bệnh dịch hiểm nghèo (HIV/AIDS, SARD), chống khủng bố, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường; ủng hộ và tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chiến tranh, chạy đua vũ trang, áp đặt và can thiệp, bảo vệ hoà bình, độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các nước.

- QHĐN của Đảng được mở rộng, HĐĐN nhân dân sống động hơn. Tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác với các ĐCS và công nhân, các đảng cầm quyền, các chính đảng, các phong trào giải phóng và độc lập dân tộc, các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới; duy trì và mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền ở một số nước. HĐĐN nhân dân tiếp tục phát triển, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các tổ chức nhân dân, tổ chức chính trị - xã hội, TCPCP quốc gia và quốc tế đối với sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ tổ quốc của ta.

- Xử lý kịp thời và có hiệu quả các vấn đề phức tạp nảy sinh trong quan hệ với các nước, đấu tranh kiên quyết và khôn khéo với những thủ đoạn xâm lược mới của các thế lực bên ngoài vi phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, góp phần giữ vững ổn định chính trị, an ninh của đất nước.

#### *Một số hạn chế:*

- Thực tiễn nghiên cứu chiến lược, dự báo tình hình còn yếu; chưa tạo được sự thống nhất cao trong nhận thức, nhất là chủ trương trong quan hệ với một số nước lớn; trong một số trường hợp còn bị động đối phó với tình hình; sự phối hợp giữa hai mặt hợp tác và đấu tranh chưa thật nhuần nhuyễn; việc xử lý mối quan hệ giữa yêu cầu giữ vững ổn định trong nước và mở rộng QHĐN còn có lúc lúng túng.

- Hợp tác quan hệ với các nước chưa sâu và chưa vững chắc, quan hệ kinh tế và chính trị nhiều khi chưa gắn kết với nhau; trong một số trường hợp cụ thể còn có sơ hở. Việc xây dựng cơ chế quản lý các HĐĐN chưa thống nhất, còn chậm.

## CHƯƠNG 2

### ĐẢNG LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH MỞ RỘNG QHĐN VÀ CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ, QUỐC TẾ GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

#### 2.1. Yêu cầu mới phải đẩy mạnh mở rộng QHĐN và hội nhập quốc tế

Thế giới đã và đang hình thành trật tự mới với những diễn biến rất phức tạp, biểu hiện qua cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa các quốc gia, trước hết là giữa các nước lớn. Mỹ với sức mạnh nổi trội về kinh tế, chính trị, quân sự đang thực hiện chủ nghĩa đơn phương, theo đuổi mục đích thiết lập trật tự thế giới đơn cực do Mỹ chi phối và khống chế. Bên cạnh đó, xu thế đa cực cũng đang được hình thành với sự nỗ lực của các nước lớn như: Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu v.v... Ngoài ra, dân tộc độc lập tích cực đấu tranh để tự lựa chọn và quyết định xu hướng phát triển của mình. Nhiều nước đang tích cực đấu tranh cho một thế giới bình đẳng, công bằng với sự đề cao vai trò của Liên hợp quốc và sự tôn trọng luật pháp quốc tế. Các xu thế trên đan xen, tác động, ảnh hưởng lẫn nhau. Tuy nhiên, cho dù hướng tới những mục tiêu nào, các nước đều mong muốn và cố gắng duy trì hòa bình, duy trì hình thức quan hệ theo dạng vừa hợp tác vừa đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau tránh đối đầu quân sự trực tiếp. Các hình thức quan hệ hợp tác - đấu tranh ngày càng trở nên đa dạng, không theo khuôn mẫu nào và được biến đổi linh hoạt theo từng loại vấn đề, từng đối tượng, khu vực, từng thời điểm cụ thể.

Khu vực Đông Nam Á, tình hình bất ổn ở Thái Lan là mối quan tâm và lo ngại của các nước trong khu vực. Đặc biệt những sự kiện trên chính trường Thái Lan từ sau vụ đảo chính năm 2006 như: vụ tấn công của lực lượng nổi dậy ở miền Nam Thái Lan, các vụ tấn công du khách nước ngoài... Ở Philippin, các phiến quân Hồi Giáo ở miền Nam vẫn tiếp tục tiến hành những cuộc tấn công khủng bố gây bất ổn cho khu vực này. Ở Indonesia, lực lượng khủng bố Hồi Giáo cũng thường mở những cuộc tấn công nhằm vào các địa điểm du lịch, vào người nước ngoài. Lực lượng ly khai vùng Ache vẫn chưa từ bỏ ý định chia tách khỏi

Indonesia. Trong quan hệ giữa các nước những bất đồng, xung đột vẫn thường xuyên xảy ra. Tiêu biểu là những sự kiện liên quan đến vấn đề môi trường, ô nhiễm không khí; vấn đề người Hoa giữa Indonesia và Malaysia, Singappo; tranh chấp biên giới giữa Thái Lan và Campuchia, Thái Lan và Mianma; tranh chấp vùn tí đảo, vùng lãnh thổ, nguồn tài nguyên thiên nhiên giữa Việt Nam - Trang Quốc - Đài Loan - Philippin - Malaysia.

- Việc nhận thức đúng những thuận lợi và khó khăn, thời cơ và thách thức của tình hình khu vực và thế giới đã giúp cho Đảng đẩy mạnh QHĐN, tạo ra điều kiện có lợi nhất để phát triển KT-XH của đất nước về toàn cầu hóa cho thấy: “toàn cầu hóa kinh tế tạo ra cơ hội phát triển nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức lớn cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển”.

Quá trình toàn cầu hóa đang được đẩy mạnh và phát triển với tốc độ nhanh, lôi kéo sự tham gia của hầu như tất cả các quốc gia trên thế giới và hợp thành một xu thế phát triển của thế giới. Toàn cầu hóa thể hiện tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất. Tuy nhiên, quá trình này đồng thời là sự phát triển tất yếu theo chiều rộng và chiều sâu của quan hệ sản xuất TBCN, dĩ nhiên không phải tất cả các nước tham gia đều là tư bản. Quan hệ sản xuất TBCN là quan hệ kinh tế chủ đạo trong quá trình này. Đây là thực tế khách quan, quy định tính chất xã hội của toàn cầu hóa. Chính vì thế, quá trình toàn cầu hóa hiện nay là không đối xứng. Chẳng hạn chỉ chú ý đến nội dung kinh tế mà không quan tâm đầy đủ đến các vấn đề an sinh xã hội và môi trường hoặc phân phối lợi ích trong toàn cầu hóa không công bằng, các nước công nghiệp phát triển được lợi nhiều hơn so với các nước chậm phát triển và đang phát triển. Như vậy, xu thế toàn cầu hóa nói chung, toàn cầu hóa kinh tế nói riêng sẽ góp phần tạo ra cơ hội phát triển cho các quốc gia, dân tộc; nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, xảy ra những khó khăn và thách thức lớn cho nhiều quốc gia, nhất là các nước đang phát triển.

Tham gia vào quá trình toàn cầu hóa, các nước sẽ tiếp cận được nguồn vốn, khoa học, công nghệ, tiếp cận được thị trường, sự phân công lao động quốc tế. Nhưng đồng thời phải đối mặt với sự cạnh tranh kinh tế, thương mại, giành giật nguồn tài nguyên, nhiên liệu, năng lượng, vốn, thị trường... một cách gay gắt hoặc bất bình đẳng. Bởi lẽ, toàn cầu hóa là một quá trình phức tạp và đầy mâu thuẫn, chứa đựng trong đó cả hai mặt tích cực và tiêu cực; thời cơ và thách thức đan xen nhau. Những tác động của quá trình này đối với các quốc gia không giống nhau. Một trong những thách thức đó là sự cạnh tranh, thu hút nhân tài từ các quốc gia chậm phát triển và đang phát triển gây ra hiện tượng “chảy máu chất xám”.

- Quá trình toàn cầu hóa kinh tế trong phạm vi thế giới được đẩy mạnh hơn. Trong khuôn khổ của WTO, vòng đàm phán Doha tiếp tục được thúc đẩy, xuất hiện thêm nhiều các cam kết, các khu vực mậu dịch tự do song phương mở ra nhiều thị trường cho nhau; đầu tư, lưu chuyển hàng hóa, dịch vụ lao động, vốn ngày càng được mở rộng. Khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của WTO - đây sẽ là cơ hội tốt để đẩy mạnh QHĐN hội nhập quốc tế và tham gia vào quá trình toàn cầu hóa; tiếp cận một thị trường rộng lớn để tiêu thụ sản phẩm trong quá trình CNH, HĐH; thu hút vốn đầu tư của nước ngoài, các nguồn viện trợ phát triển của các nước và các định chế tài chính như WB, IMF, Ngân hàng phát triển Châu Á; có điều kiện để tiếp cận công nghệ sản xuất tiên tiến và phương pháp quản lý hiện đại thông qua các dự án đầu tư nước ngoài. Đây là điều kiện tốt cho quá trình thực hiện CNH, HĐH của Việt Nam.

Tuy nhiên, tính hai mặt của toàn cầu hóa cũng đem đến cho chúng ta những thách thức lớn đối với sự phát triển nền kinh tế nói chung, các doanh nghiệp nói riêng. Sự cạnh tranh quốc tế được thể hiện trên các cấp độ do hàng rào bảo hộ bị dỡ bỏ do phải thực hiện chế độ đãi ngộ Tối huệ quốc và đối xử quốc gia hoặc bị kiện do bán phá giá hoặc trừng phạt bằng thuế quan. Mặt khác, các sản phẩm của nước ta phải cạnh tranh bình đẳng với các nước khác không chỉ trên thị trường thế giới mà ngay cả ở thị trường nội địa; không những về chất lượng, giá

thành mà ngay cả khâu dịch vụ sau bán hàng, xây dựng thương hiệu. Đồng thời, sự cạnh tranh còn diễn ra ở cấp vĩ mô giữa Nhà nước với Nhà nước trong việc hoạch định chính sách, quản lý chiến lược phát triển nhằm phát huy nội lực và thu hút đầu tư từ bên ngoài. Như vậy, toàn cầu hóa vừa đem đến cơ hội nhưng cũng tạo ra rất nhiều thách thức.

Thách thức là sức ép trực tiếp, còn cơ hội tự nó không trở thành lực lượng vật chất trên thị trường mà phải thông qua hoạt động của các chủ thể. Cơ hội và thách thức luôn vận động biến đổi, tận dụng được cơ hội sẽ đẩy lùi được thách thức và tạo ra những cơ hội lớn hơn. Ngược lại không tận dụng được cơ hội thì thách thức sẽ lấn át làm triệt tiêu cơ hội trong quá trình đẩy mạnh QHĐN.

- Về CM KH-CN, Đảng khẳng định *“khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt và có những đột phá lớn”*. Thực tế cho thấy công nghệ thông tin, công nghệ sinh học tiếp tục phát triển mạnh mẽ, đi vào chiều sâu và gắn với nhu cầu phát triển của đất nước. Hơn nữa, KH&CN cũng là tiền đề thúc đẩy xu thế hợp tác phát triển, mở ra những triển vọng quan hệ của mỗi bên đi vào chiều sâu ổn định.

Đảng và Nhà nước luôn nhận thức rõ, đây là cuộc cách mạng đạt rất nhiều kỳ tích, đã và đang tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống mỗi quốc gia và QHQT đương đại. Những thành tựu của KH&CN đã được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực của cuộc sống con người trên khắp hành tinh chúng ta. Công nghệ cao đã xâm nhập vào hầu hết các lĩnh vực, các ngành sản xuất của nền kinh tế công nghiệp truyền thống, biến đổi chúng thành các ngành của kinh tế tri thức. Sự phát triển như vũ bão của khoa học - công nghệ diễn ra trên các lĩnh vực sinh học, vật liệu mới, năng lượng và công nghệ thông tin... là tiền đề để tri thức trở thành lực lượng sản xuất mà dự đoán của C. Mác và Ăngghen cách đây gần 200 năm đã thành hiện thực.

Hiện tại, CNTB đang lợi dụng thành tựu của khoa học - công nghệ để củng cố và tăng cường địa vị thống trị. Vì vậy, giống như toàn cầu hóa, cách mạng

khoa học - công nghệ cũng có những tác động hai mặt đến các mối QHQT, nhất là đối với các nước đang phát triển và các nước đang xây dựng chế độ XHCN. Một mặt cách mạng khoa học - công nghệ tạo cho các nước này cơ hội đi tắt, đón đầu để tiến kịp trình độ khoa học của thế giới, rút ngắn thời gian CNH, HĐH. Mặt khác, cũng làm cho các nước đang phát triển dễ rơi vào tình trạng bị phụ thuộc vào các nước công nghiệp phát triển đang nắm giữ những thành quả của cách mạng khoa học - công nghệ. Nhận thức được điều đó giúp các nước đang phát triển và các nước XHCN tìm được đường lối phát triển theo hướng độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo phù hợp với đặc điểm, tình hình thế giới.

Trong nước, bên cạnh những thuận lợi do tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế đem lại, cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức do những yếu kém vốn có của nền kinh tế, thiên tai, dịch bệnh, tác động của tình hình thế giới, khu vực; các hoạt động chống phá, kích động bạo loạn, “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch... Trong bối cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn thách thức, đạt những thành tựu quan trọng. Đó là:

Nền kinh tế vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, cơ bản giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, các ngành đều có bước phát triển, tiềm lực và quy mô nền kinh tế tăng lên; giáo dục và đào tạo, KH&CN, văn hóa và các lĩnh vực xã hội có tiến bộ; bảo vệ tài nguyên, môi trường được chú trọng hơn; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; HĐĐN, hội nhập quốc tế được mở rộng, vị thế, uy tín quốc tế của nước ta được nâng cao; dân chủ có tiến bộ, khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố; việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN được đẩy mạnh, hiệu lực, hiệu quả hoạt động được nâng lên; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tăng cường, đạt một số kết quả tích cực”. Những thành tựu đó cho phép Việt nam đẩy mạnh quan hệ đối ngoại trong điều kiện mới với quốc gia, các tổ chức thế giới, các đảng cầm quyền, phát triển QHĐN nhân dân và nâng cao



hiệu quả hợp tác với các TCPCP, nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

Bên cạnh đó, ta cũng phải đối mặt với những thách thức trong nước như: kinh tế phát triển chưa bền vững, chất lượng, hiệu quả, tính cạnh tranh thấp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH - HĐH còn chậm; các cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc; phân phối còn nhiều bất hợp lý. Còn không ít hạn chế và các biểu hiện yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, KH&CN, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường chậm được khắc phục. Tệ tham nhũng, suy thoái đạo đức, lối sống chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Nền dân chủ XHCN và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ... Những thách thức đó cũng tác động nhất định đến quá trình đẩy mạnh QHĐN nếu chúng ta không kiên quyết, ngăn chặn và đẩy lùi, tạo môi trường thuận lợi cho quá trình hội nhập sâu rộng vào các QHQT.

Những nét cơ bản trên trong nhận thức mới của Đảng về đánh giá tình hình thế giới, trong nước. Những vấn đề này không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, ảnh hưởng trực tiếp tới việc hoạch định đường lối, CSDN của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, đòi hỏi cần nắm vững tình hình đó, xác định rõ những mâu thuẫn chủ yếu của từng đối tượng, trong từng vấn đề, lĩnh vực, ở thời điểm cụ thể để có đối sách đúng đắn trong xây dựng ĐLĐN.

Mặt khác, trong toàn cầu hóa và hội nhập KTQT sẽ làm cho lĩnh vực thuộc lẫn nhau giữa các nước tăng lên. Sự biến động trên thị trường các nước sẽ tác động mạnh đến thị trường mỗi nước, điều này yêu cầu phải có những chính sách “vĩ mô” đúng đắn; cải cách kịp thời, giảm bớt các thủ tục rườm rà; quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư của nước ngoài. Đặc biệt, phải phát huy cao độ “nền kinh tế độc lập, tự chủ”, khẳng định chất lượng, thương hiệu của các sản phẩm; tăng sức cạnh tranh quốc tế và trong nước; không bị lệ thuộc vào quan hệ sản xuất TBCN.

Cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ đòi hỏi cần tập trung đi ngay vào công nghệ hiện đại ở một số lĩnh vực then chốt và tung bước mở rộng ra toàn bộ nền kinh tế. Mặt khác, kết hợp phát triển công nghệ cao

để tạo ra đột phá; đồng thời sử dụng công nghệ dùng nhiều lao động để giải quyết việc làm. Điều này có nghĩa cùng với việc đẩy mạnh tham gia quá trình chuyển giao công nghệ trên thế giới, phải phát triển thị trường KH&CN trong nước, tránh bị tụt hậu.

Đổi mới cơ chế, chính sách để phần lớn các sản phẩm KH&CN trở thành hàng hóa. Đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ thông tin phải được quán triệt sâu sắc và triển khai thực hiện nghiêm túc Quyết định số 79/2010/QĐ - TT ngày 30 - 11 - 2010 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại quảng bá hình ảnh quốc gia, đất nước, con người, lịch sử, văn hóa dân tộc Việt Nam; thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước Việt Nam ra thế giới và thông tin về thế giới về Việt Nam.

Tóm lại, đứng trước biến động của tình hình thế giới và thời đại, mâu thuẫn thời đại, chiến tranh và hòa bình, hội nhập toàn cầu và cách mạng khoa học và công nghệ, Việt Nam phải có những lựa chọn khắt khe, hoặc bị tụt hậu hoặc bị làn sóng toàn cầu hóa cuốn trôi. Không tham gia vào quá trình đó sẽ trở thành người ngoài cuộc, sẽ bị phân biệt đối xử trong tiếp cận thị trường, hàng hóa... Do vậy, trong quá trình triển khai mở rộng QHĐN cần phải tích cực, chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong chiến lược và sách lược ngoại giao. Chính vì vậy, phải đẩy mạnh mở rộng QHĐN, phục vụ tốt nhất các mục tiêu của đất nước.

## **2.2. Chủ trương của Đảng đẩy mạnh mở rộng QHĐN, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế**

Xuất phát từ quá trình Đảng đổi mới tư duy đối ngoại, trực tiếp là sau 5 năm thực hiện *Nghị quyết Đại hội IX*, Đảng ta đã có những nhận thức mới về thời đại và xu hướng chủ yếu trên thế giới đương đại. Từ yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Đảng đã có những đổi mới sâu sắc trong đường lối và CSDN. Chủ trương của Đảng là: “*Mở rộng QHĐN, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế, quốc tế*”.

*\* Về quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đẩy mạnh mở rộng QHĐN*

### *Quan điểm mở rộng QHĐN*

Thực hiện nhất quán ĐLĐN “độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển”; thực hiện CSDN “mở rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa” các QHQT. Chủ động và tích cực hội nhập KTQT, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực.

Như vậy, điểm mới trong quan điểm đối ngoại của Đại hội X là: khẳng định rõ nội dung mang tính tiêu chí trong chủ trương đối ngoại là hòa bình, hợp tác và phát triển. Quan điểm này nhằm bảo vệ những lợi ích căn bản của đất nước trong quá trình mở rộng QHĐN đó là độc lập dân tộc, hòa bình và phát triển bền vững theo định hướng XHCN; đồng thời tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi phục vụ phát triển KT-XH và bảo vệ Tổ quốc.

Điểm mới thứ hai trong chủ trương mở rộng QHĐN của Đại hội X là Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế và khu vực, thay cho “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế...” của Đại hội IX. Việc thay đổi này không chỉ là sự thay đổi thuật ngữ đơn thuần mà thể hiện sự nhận thức sâu sắc bối cảnh thế giới và trong nước, thực chất trong QHQT qua 5 năm thực hiện mở rộng QHĐN của Đại hội IX; đồng thời thể hiện thế và lực của nước ta qua 20 năm đổi mới.

### *Tư tưởng chỉ đạo mở rộng QHĐN*

Kiên định nguyên tắc vì độc lập, thống nhất và CNXH, đồng thời phải sáng tạo, năng động, linh hoạt về sách lược.

Nội dung trên đã cụ thể hóa tư tưởng “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” biểu hiện sự kết hợp giữa tính kiên định về nguyên tắc, lập trường quan điểm với sự linh hoạt về phương pháp và cách xử trí trước mọi tình huống. Nói cách khác, đây chính là sự kiên định mục tiêu “độc lập dân tộc gắn liền với CNXH”.

*\* Nhiệm vụ, phương hướng đầy mạnh mở rộng quan hệ đối ngoại*

*Mục tiêu nhiệm vụ*

“Giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển KT-XH, CNH, HĐH đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”[9, 119-120], đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Qua đó khai thác tốt nhất các nhân tố quốc tế phục vụ cho nhu cầu phát triển của đất nước. Như chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta đã từng chỉ rõ” thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng”. Thực lực của đất nước có mạnh - tức là cái chiêng có lớn thì tiếng vang của nó lại càng lớn trên trường quốc tế.

Nhiệm vụ mở rộng QHĐN được Đại hội X xác định, so với Đại hội IX không có thay đổi lớn, thể hiện tính nhất quán của Đảng, nhưng nhấn mạnh yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đối ngoại trước hết là phải phấn đấu vì lợi ích dân tộc, phục vụ cho sự nghiệp xây dựng, phát triển KT-XH và bảo vệ Tổ quốc.

#### *Phương hướng mở rộng QHĐN.*

Củng cố và tăng cường quan hệ với các ĐCS, công nhân, đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới.

Phát triển công tác đối ngoại nhân dân theo phương châm chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả; tham gia tích cực các diễn đàn cũng như các hoạt động của nhân dân thế giới; tăng cường vận động viện trợ và nâng cao hiệu quả hợp tác với các TCPCP nước ngoài để phát triển KT-XH.

Đại hội X đã làm rõ hơn khái niệm về chủ động và tích cực hội nhập KTQT. Theo đó, chủ động hội nhập quốc tế tức là hoàn toàn chủ động quyết định đường lối, chính sách phát triển KT-XH nói chung và chính sách hội nhập KTQT nói riêng. Chủ động nắm vững quy luật, tính tất yếu của sự vận động kinh tế toàn cầu, phát huy sức mạnh tổng hợp bên trong, xác định lộ trình và có bước đi, quy mô phù hợp. Chủ động còn bao hàm cả sự sáng tạo, lựa chọn phương thức hành động đúng, dự báo được những tình huống có thể xảy ra trong quá trình hội nhập...

Đại hội X của Đảng bày tỏ quan điểm, lập trường rõ ràng trước những âm mưu của các thế lực thù địch với CNXH chống lại xu thế hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển của nhân loại; nhận thức rõ âm mưu của chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn, lật đổ, các cuộc cách mạng sắc màu.

*Về nguyên tắc, biện pháp đẩy mạnh mở rộng QHĐN*

*Nguyên tắc mở rộng QHĐN*

Thực hiện nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc chính trị nội bộ của nhau; không dùng vũ lực để giải quyết các bất đồng tranh chấp mà đấu tranh bằng thương lượng một cách hòa bình trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau, hợp tác cùng có lợi. Đây là nguyên tắc bao trùm, xuyên suốt ĐLĐN của Đảng. Bên cạnh xây dựng môi trường hòa bình, ổn định... đồng thời phải thể hiện sự năng động, sáng tạo và linh hoạt trong xử lý các tình huống phù hợp với bối cảnh cụ thể của tình hình thế giới, phù hợp với đặc điểm của từng đối tác mà ta có quan hệ, trong bất kỳ tình huống nào cũng tránh không để rơi vào thế đối đầu đơn phương, hay bị cô lập, lệ thuộc, củng cố hòa bình, an ninh, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển.

Điểm nhấn trong các nguyên tắc của Đại hội X so với Đại hội IX là: Tôn trọng lẫn nhau. Sự tôn trọng này là sự tôn trọng dựa trên luật pháp quốc tế, dựa trên các nguyên tắc ứng xử được đảm bảo thông suốt từ nhận thức tới hành động, từ Trung ương xuống địa phương và phải được quán triệt, thực hiện đầy đủ. Trong nhiều trường hợp cần công khai hóa các hoạt động và nội dung ngoại giao, phát ngôn của Bộ Ngoại giao để tránh sự hiểu lầm hay gây chia rẽ giữa Việt Nam và các đối tác; đồng thời tranh thủ được sự hậu thuẫn, đồng thuận của dư luận quốc tế, giảm đi sự thiệt thòi với các bạn bè.

*Những biện pháp đẩy mạnh mở rộng QHĐN*

Công tác văn hóa - thông tin đối ngoại cần phải được đẩy mạnh, qua đó nghiên cứu, dự báo tình hình thời sự thế giới và trong nước đồng thời có những đóng góp quan trọng với vai trò tham mưu để xây ĐLĐN đáp ứng yêu cầu mới.

Phải thu hút sự tham gia các nhà khoa học, phát huy trí tuệ tổng hợp của các cơ quan làm công tác nghiên cứu phục vụ cho công tác tăng cường sự hợp tác quốc tế.

Đối với đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại phải được bồi dưỡng, rèn luyện vững vàng về chính trị, phải vừa hồng vừa chuyên, đặc biệt là phải giỏi ngoại ngữ và có phẩm chất cách mạng tốt.

Tăng cường và phát huy vai trò lãnh của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với HĐĐN.

Kết hợp chặt chẽ HĐĐN của Đảng với hoạt động ngoại giao của Nhà nước và đối ngoại nhân dân; giữa chính trị, kinh tế với quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại; nắm vững thông tin trong nước và nước ngoài

Điểm nhấn trong các biện pháp mở rộng QHĐN của Đại hội X so với Đại hội IX có sự phát triển ở một số nội dung sau:

Đối với đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại, điểm yêu cầu cao là có trình độ ngoại ngữ phải đạt tiêu chuẩn ở nơi công tác, rèn luyện kỹ năng ngoại ngữ phục vụ tốt cho chuyên môn, trong giao tiếp, tránh sai sót xảy ra trong thực hiện nhiệm vụ gây hiểu nhầm không đáng có.

### **2.3. Đảng chỉ đạo đẩy mạnh mở rộng QHĐN và hội nhập kinh tế, quốc tế**

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X với ĐLĐN đổi mới, Đảng ta đã chủ động “phát triển sâu rộng các mối QHQT với 222 chính đảng ở 115 quốc gia trên thế giới, đồng thời tham gia nhiều diễn đàn đa phương chính đảng. Đây là những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

*\* Đảng chỉ đạo đẩy mạnh mở rộng quan hệ với các Đảng cầm quyền*

Là đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam, khi triển khai *Nghị quyết Đại hội X* nhằm mở rộng và phát triển quan hệ với các chính đảng khác nhau trên thế giới, Đảng ta tuân thủ các nguyên tắc nhất quán: độc lập tự chủ; bình đẳng; tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp công việc nội bộ của nhau; cùng nhau thúc đẩy quan hệ

hữu nghị và hợp tác, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội. Ta tuyệt đối không quan hệ với tổ chức, các đảng cực đoan.

- *Đẩy mạnh mở rộng quan hệ với các ĐCS và công nhân*, Đảng ta nhấn mạnh việc tăng cường quan hệ đoàn kết, hữu nghị, ủng hộ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh vì CNXH, trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân; tăng cường trao đổi các vấn đề lý luận và thực tiễn về xây dựng CNXH, xây dựng đảng, các vấn đề lớn của thế giới ngày nay; tham gia các diễn đàn, hội thảo khu vực và quốc tế của các đảng; đoàn kết và hợp tác bằng các hình thức phù hợp; tích cực góp phần vào sự hồi phục và đi lên của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế...

Những hoạt động của Đảng ta từ năm 2006 đến năm 2010 được triển khai có trọng tâm, trọng điểm. Chiếm vị trí quan trọng hàng đầu trong QHĐN của Đảng ta là: *“Ưu tiên phát triển quan hệ với các ĐCS và đảng cầm quyền ở các nước XHCN, các nước láng giềng”*.

Đặc biệt coi trọng phát triển quan hệ truyền thống với *Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Đảng Nhân dân Cam-pu-chia (CPP)*. Điều này được thể hiện qua chuyến thăm chính thức Lào, thăm hữu nghị chính thức Cam-pu-chia của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh; được thể hiện qua các kỳ họp giữa đoàn Việt Nam và đoàn đại biểu cấp cao của hai nước. Những tuyên bố chung đưa ra qua những chuyến thăm này là nền tảng quan trọng để không ngừng củng cố và phát triển quan hệ *“hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, quan hệ láng giềng tốt đẹp, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài Việt Nam - Cam-pu-chia”*.

Thực hiện các cuộc gặp gỡ, thường xuyên tiếp xúc giữa các đoàn lãnh đạo cấp cao của Đảng ta với Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Đảng Cam-pu-chia đã trở thành truyền thống tốt đẹp, vừa tạo nền tảng chính trị và định hướng chiến lược, vừa kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc nhằm phát triển sự hợp tác

toàn diện, thiết thực, có hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực giữa nước ta và hai nước bạn.

Với ĐCS Trung Quốc, Tổng bí thư đã có hai chuyến thăm hữu nghị chính thức vào 8/2006 và 5/2008, qua hai chuyến thăm mà quan hệ giữa hai Đảng, hai nhà nước đã tiến lên tầm “*đối tác chiến lược toàn diện*”. Thông qua cuộc gặp gỡ giữa đoàn cấp cao hai bên đã đạt được nhận thức chung quan trọng về việc nhất quan lấy “*phương châm 16 chữ*” và “*tinh thần 4 tốt*” để phát triển ổn định quan hệ lâu dài, hai nước tiếp tục củng cố và giúp đỡ lẫn nhau, đi sâu hợp tác đôi bên cùng có lợi, thúc đẩy sự nghiệp xây dựng CNXH ở mỗi nước; “*tích cực để xử lý và giải quyết các vấn đề còn tồn tại hoặc mới nảy sinh trong quan hệ hai nước trên tinh thần coi trọng đại cục, hiệp thương hữu nghị, công bằng, hợp lý, cùng có lợi*”; qua đó thúc đẩy xây dựng môi trường hòa bình lâu dài, cùng phát triển phồn vinh ở Khu vực Châu Á Thái Bình Dương và trên thế giới.

Với “*các đảng cầm quyền hoặc tham chính ở các nước có quan hệ đối tác quan trọng đối với nước ta*”. Tổng bí thư Nông Đức Mạnh đã có 5 chuyến thăm chính thức các nước: Hàn Quốc (tháng 11-2007), Nhật Bản (tháng 4-2009), Ô-xtrây-li-a (tháng 9-2009), Niu Di-lân (tháng 9-2009) và Liên bang Nga (tháng 7-2010) không những thắt chặt thêm quan hệ giữa ĐCS Việt Nam với các đảng tham chính ở các nước trên, mà còn đưa quan hệ song phương giữa ta và các nước bạn lên tầm cao mới. Trong các chuyến thăm chính thức các nước của Tổng Bí thư khóa X, ta đã xây dựng quan hệ “*đối tác chiến lược vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á*” với Nhật Bản, quan hệ “*đối tác toàn diện*” với Niu Di-lân Ô-xtrây-li-a ; đưa “*quan hệ hữu nghị truyền thống*”, “*hợp tác toàn diện*” và “*đối tác chiến lược Việt – Nga*” sang giai đoạn mới năng động hơn, hiệu quả hơn và đặc biệt là độ tin cậy ngày càng được nâng cao. Quan hệ truyền thống Việt Nam - Liên Bang Nga càng được củng cố hơn, nhất là qua chuyến thăm Chủ tịch nước Trương Tấn Sang (Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban bí thư ), trong chuyến thăm chủ tịch đã



ký Thỏa thuận việc hợp tác với đảng cầm quyền ở Nga – Đảng Nước Nga Thống nhất.

Với các đảng cầm quyền ở các nước khu vực Đông Nam Á, ĐCS Việt Nam triển khai nhiều hoạt động trao đổi giữa các đoàn, chia sẻ kinh nghiệm cầm quyền, trao đổi quan điểm về phát triển quan hệ hợp tác giữa các nước trong khu vực, tăng cường quan hệ hợp tác giữa các nước ASEAN, thúc đẩy xu thế hòa bình và hợp tác ổn định ở Đông Nam Á - Châu Á Thái Bình Dương cũng như trên thế giới. Trong những (2006-2010), Đảng ta đã cử 10 đoàn đại biểu tham dự đại hội thường niên, thăm và làm việc với đảng các nước trong khối ASEAN như: Tổ chức UMNO (tổ chức thống nhất dân tộc Mã Lai), PAP (Đảng Hành động nhân dân Xin-ga-po), đồng thời đón các đoàn đảng nước bạn sang thăm Việt Nam...

Đảng ta chú trọng đoàn kết, hợp tác chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau với “*các chính Đảng, tổ chức phong trào độc lập và dân tộc tiến bộ*”, cùng nhau phấn đấu vì “*độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển, công bằng và tiến bộ xã hội*”.

Bên cạnh việc tăng cường và mở rộng quan hệ song phương với các chính đảng trên thế giới, Đảng ta tiếp tục chỉ đạo tham gia một số diễn đàn đa phương. Hàng năm, Đảng đã cử các đoàn đại biểu tham gia và có những đóng góp tích cực nhằm củng cố mối quan hệ giữa các ĐCS và các tổ chức của giai cấp công nhân đang hoạt động hợp pháp trên thế giới; Tổ chức Hội thảo quốc tế giữa các ĐCS được luân phiên đăng cai như: *Hội thảo quốc tế các ĐCS* tại Bỉ, *Hội thảo Toàn cầu hóa và những vấn đề phát triển* tại Cu Ba; *Hội thảo Các Đảng và một xã hội mới* tại Mêhico; Diễn đàn các Đảng cánh tả của Mỹ La Tinh thay phiên nhau tổ chức; *Hội thảo quốc tế thường niên* tại Tuynidi do Đảng tập hợp dân chủ lập hiến đăng cai...

Như vậy, Thông qua chỉ đạo và hoạt động mở rộng quan hệ với các Đảng cầm quyền, Đảng ta đã tích lũy được nhiều bài học, kinh nghiệm quốc tế quan trọng trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc, những kinh nghiệm về quản lý đất nước và giải quyết các vấn đề kinh tế - văn hóa – xã hội. Những bài học kinh nghiệm đó

đã góp phần bổ sung cho lý luận và thực tiễn để chủ trương, CSDN trong QHQT của Đảng ta ngày càng được hoàn thiện hơn.

*\* Đảng chỉ đạo phát triển công tác đối ngoại nhân dân*

Đảng ta chỉ đạo phát triển HĐĐN nhân dân theo phương châm: “*Chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả*”. Công tác đối ngoại nhân dân được chỉ đạo chặt chẽ từ Trung ương đến cơ sở, trong đó việc chú trọng việc hướng dẫn, kiểm tra, rà soát lại các văn bản có liên quan để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới được chú trọng; đảm bảo sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo, thông tin; phối hợp chặt chẽ giữa Ban đối ngoại Trung ương với Mặt trận Tổ quốc và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam cùng các đoàn thể các tổ chức, cá nhân, các ban ngành, các cấp chính quyền trong việc hoạch định đường lối cũng như quản lý HĐĐN nhân dân. Thông qua đó động viên, phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi lực lượng, mọi tổ chức trong HĐĐN, quảng bá cho bạn bè thế giới nước Việt Nam với một thiện chí, một mong muốn hòa bình, hợp tác và phát triển đất nước.

*Công tác đối ngoại nhân dân được tập trung theo các hướng cơ bản sau đây:*

*Một là, nâng cao chất lượng HĐĐN nhân dân, chú trọng phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị ổn định, thiết lập mối quan hệ có chiều sâu với các nước láng giềng, bạn bè truyền thống, các nước có vị trí quan trọng trong CSDN của Đảng ta; đồng thời tăng cường quan hệ với lực lượng cánh tả, lực lượng tiến bộ, quan tâm mở rộng quan hệ với các tổ chức, cá nhân có tình cảm thiện chí nước ta. Xác định chính xác đối tác để thiết lập quan hệ phù hợp nhằm tranh thủ phát huy những mặt tương đồng, hạn chế những mặt khác biệt, mặt tiêu cực của đối tác.*

*Hai là, tiếp tục đổi mới công tác đối ngoại nhân dân theo tinh thần thực hiện nhất quán ĐLĐN độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác, phát triển, Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế. Cần phải đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức HĐĐN nhân dân cho phù hợp với bối cảnh mới,*

đảm bảo sự chỉ đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, đồng thời phát huy tinh thần chủ động linh hoạt, sáng tạo của các tổ chức nhân dân.

*Ba là, đẩy mạnh, nâng cao chất lượng của công tác nghiên cứu lý luận, dự báo tình hình thời sự trong nước và quốc tế, kịp thời tham mưu kịp thời cho lãnh đạo Đảng và Nhà nước về đối ngoại nhân dân.* Bên cạnh đó phải chú trọng tới hiệu quả của công tác tuyên truyền chính sách đối ngoại trong nhân dân, phải có chính sách đầu tư phù hợp đáng về cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công tác đối ngoại nói chung và đối ngoại nhân dân nói riêng

Bốn là, đặc biệt chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại nhân dân vừa có bản lĩnh, vừa có phẩm chất đạo đức cách mạng tốt lại giỏi chuyên môn, ngoại ngữ, tin học...

*\*Đảng chỉ đạo nâng cao hiệu quả hợp tác với các TCPCP nước ngoài để phát triển KT-XH, thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới.*

Quan triệt chủ trương và chính sách của Nhà nước ta về mở rộng QHĐN theo hướng đa dạng hoá và đa phương hoá, để tạo điều kiện cho các hoạt động của các NGOs nước ngoài tại Việt Nam được tiến hành có hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực và phù hợp với tập quán và luật pháp Việt Nam. Ngày 27/12/2006, Thủ tướng Chính phủ đã đưa ra Quyết định số 286/2006/QĐ-TTg về việc ban hành “Chương trình quốc gia xúc tiến vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2006-2010” nhằm tăng cường huy động, khai thác và nâng cao sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ của các TCPCP, góp phần phát triển KT-XH và giảm nghèo ở Việt Nam.

Thông qua các hoạt động hợp tác với Việt Nam, các TCPCP nước ngoài đã tiếp tục góp phần nâng cao hiểu biết của chính giới, công chúng và đối tác quốc tế về Việt Nam, thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước.

ĐCS Việt Nam khẳng định chủ trương tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác với các TCPCPNN. Chính phủ đã quan tâm chỉ đạo công tác xây

dựng các luật, văn bản pháp quy liên quan tới hoạt động của các TCPCPNN và đã hình thành về cơ bản hệ thống pháp quy gồm các Nghị định và Qui chế về hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam, công tác vận động, quản lý và sử dụng viện trợ của các TCPCPNN, tuyển chọn, sử dụng và quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho các TCPCP nước ngoài, miễn thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đối với các dự án do TCPCP nước ngoài tài trợ; miễn thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng cho trang thiết bị, đồ dùng và một số dịch vụ cho Văn phòng Đại diện của các TCPCPNN...

Nhờ mở rộng quan hệ với các TCPCP nước ngoài, sự hiểu biết của cán bộ, chính quyền địa phương và các đối tác Việt Nam về các TCPCP nước ngoài và nhận thức về vai trò của viện trợ phi chính phủ trong phát triển KT-XH, xoá đói giảm nghèo được nâng cao, công tác tổ chức và kiện toàn bộ máy, đào tạo cán bộ chuyên trách hoặc bán chuyên trách về viện trợ phi chính phủ được chú ý hơn. Về viện trợ phát triển, Việt Nam vẫn là nước tạo được sự quan tâm của các TCPCP nước ngoài, cùng với chính sách ưu tiên của Chính phủ Việt Nam đối với hoạt động của TCPCP nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam nhất là việc triển khai chuyển đổi Giấy phép với thời hạn hoạt động ngắn sang Giấy Đăng ký với thời hạn phù hợp. Việc kêu gọi và thu hút viện trợ, nguồn tài trợ cho Việt Nam trong những năm gần đây luôn được duy trì ổn định. Các TCPCP nước ngoài cũng tích cực cam kết tiếp tục hỗ trợ cho Việt Nam tập trung vào các lĩnh vực xoá đói giảm nghèo, phát triển nông thôn tổng hợp, thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, tăng cường năng lực tham gia của người dân giải quyết vấn đề của xã hội.

Trong 5 năm vừa qua, thông qua nhiều chương trình, dự án và các khoản viện trợ như phát triển hạ tầng y tế, đào tạo cán bộ, hỗ trợ các trung tâm kiểm soát dịch bệnh.... Các lĩnh vực khác như giải quyết tốt vấn đề xã hội, phát triển kinh tế và giáo dục chiếm khoảng từ 16-20% giá trị viện trợ.

Hoạt động viện trợ của các TCPCP được triển khai tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và ở hầu hết các bộ, ban ngành, tổ chức nhân dân. Tuy còn

ở mức độ khác nhau, tất cả các tỉnh, thành phố và các bộ, ban, ngành và tổ chức nhân dân, các tổ chức hội Trung ương đều đã có quan hệ viện trợ với các TCPCP thuộc các quốc tịch khác nhau. Một số tỉnh/thành phố như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Khánh Hòa, Thái Nguyên... đã tăng cường hợp tác và giá trị viện trợ phi chính phủ nước ngoài đạt quy mô khá lớn.

Một số Bộ, tổ chức nhân dân như Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam... cũng đã duy trì và mở rộng hợp tác với các TCPCP nước ngoài.

Về mặt kinh tế, các TCPCP nước ngoài đã góp phần làm giảm bớt những khó khăn KT-XH ở những vùng có dự án đồng thời giới thiệu những phương pháp tiếp có hiệu quả và bền vững, tập trung vào các lĩnh vực phát triển nền kinh tế, y tế, giáo dục, khắc phục hậu quả chiến tranh – hỗ trợ nạn nhân chất độc da cam/dioxin, giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường, viện trợ khẩn cấp và tái thiết cho các vùng bị thiên tai.

Phải bảo vệ, ứng phó với biến đổi khí hậu cũng được các TCPCP quan tâm nhiều hơn. Nhiều dự án lớn về xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, nghiên cứu và bảo vệ đàn chim, động vật hoang dã, bảo vệ và quản lý môi trường, khai thác tài nguyên bền vững gắn với xoá đói giảm nghèo, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với sự biến đổi của khí hậu...

Thông qua hợp tác trong việc triển khai các chương trình dự án, các TCPCP nước ngoài đã góp phần tăng cường năng lực các cơ quan đối tác và người dân vùng dự án. Bên cạnh các dự án trực tiếp trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, xây dựng năng lực..., các hoạt động đào tạo, tập huấn được lồng ghép vào các dự án do các TCPCP nước ngoài tài trợ. Các tổ chức đó cũng giới thiệu và ứng dụng các phương pháp tiếp cận có hiệu quả trong phát triển bền vững và xoá đói

giảm nghèo, bằng những dự án thiết thực và mô hình phù hợp với các lĩnh vực và cộng đồng dân cư ở các vùng khác nhau, lồng ghép với các chương trình về xây dựng năng lực (như tín dụng, phát triển nông thôn và cộng đồng, khuyến nông, khuyến lâm...). Đặc biệt, với nội dung và phương pháp hướng vào cộng đồng, các dự án này đã trực tiếp giúp đỡ người dân, nhất là những người dân ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, tăng cường kiến thức, khả năng tự quản lý, biết cách làm ăn trong nền kinh tế thị trường, nâng cao mức thu nhập của bản thân và cải thiện điều kiện sống của gia đình.

Trong hầu hết các chương trình/dự án, các TCPCP nước ngoài đều chú trọng tới việc đào tạo, tập huấn cho cán bộ và người dân ở các cấp làm lực lượng nòng cốt thực hiện dự án. Kỹ năng chuyên môn của các cán bộ chính quyền các cấp tham gia các dự án của TCPCP nước ngoài về lập kế hoạch, thực hiện, quản lý và giám sát các dự án nhỏ được nâng cao, đặc biệt là các cán bộ trong ngành y tế, giáo dục và nông, lâm nghiệp. Bên cạnh đó, nhiều TCPCP nước ngoài còn chú trọng tới việc xây dựng thiết chế, nâng cao năng lực cho tổ chức đối tác thông qua việc giúp nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, giúp đào tạo cán bộ qua thực tiễn, xây dựng lề lối làm việc, chương trình và kế hoạch của tổ chức, xây dựng chương trình giảng dạy, tập huấn...

Các TCPCP nước ngoài tiếp tục là một kênh chính trị đối ngoại quan trọng, trực tiếp góp phần hoặc hỗ trợ Việt Nam chuyển tải các thông tin, thông điệp tới thế giới. Ngoài những hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân chiến tranh, một số tổ chức còn đứng ra vận động chính giới Mỹ ủng hộ cho nạn nhân chất độc da cam/dioxin tại Việt Nam. Một số công ty hóa chất Mỹ đã sản xuất chất diệt cỏ/dioxin dùng trong chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam đã bước đầu triển khai một số dự án nhân đạo, gián tiếp khắc phục hậu quả do sản phẩm của họ gây ra trước đây. Các diễn đàn quốc tế cũng nhận được sự tham gia và hỗ trợ của các TCPCP nước ngoài, không chỉ góp phần tạo thêm nguồn lực để tổ chức các hoạt động mà quan trọng hơn còn có góp phần tích cực vào xây dựng nội dung, đóng góp vào thành công

chung của các hoạt động này. Các TCPCP nước ngoài đã góp phần quan trọng trong tăng cường hiểu biết và mở rộng quan hệ hữu nghị của nhân dân và đối tác các nước với Việt Nam, nâng cao hình ảnh Việt Nam trong lòng nhân dân thế giới và vị thế Việt Nam trên trường quốc tế, đóng góp vào việc phát triển mối quan hệ giữa các nước, đồng thời thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa các tổ chức với các cơ quan đối tác Việt Nam.

## Chương 3

### NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM

#### 3.1. Một số nhận xét tổng quát

*\* Thành tựu Đảng lãnh đạo thực hiện ĐLĐN (2001 - 2010) và nguyên nhân*

*- Thành tựu*

Với phương châm mà Đại hội X đã đề ra: “Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực” [10, 112]. Đảng đã mở rộng QHĐN, đưa các QHQT đã thiết lập được trong thời gian qua đi vào chiều sâu, mang tính ổn định, bền vững. Việt Nam sẵn sàng thiết lập quan hệ ngoại giao, “là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới và các tổ chức quốc tế” trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế. Thực tế cho thấy, trong những năm qua, chúng ta không ngừng mở rộng QHĐN, thiết lập “quan hệ ngoại giao với 179 nước trên thế giới”, tham gia vào Tổ chức Thương mại thế giới WTO, hợp tác kinh tế với các nước khối ASEAN, các nước Châu Á - Thái Bình Dương... cùng cố mở rộng phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các “đối tác chiến lược”, với “bạn bè truyền thống như”: Nga, các nước SNG, các nước Đông Nam Á... Đồng thời, ta từng bước đổi mới thể chế kinh tế, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, tạo môi trường thuận lợi để thu hút công nghệ, vốn đầu tư của nước ngoài. Tất cả các hoạt động ngoại giao nói trên đều nhằm tranh thủ ngoại lực để phát triển kinh tế đất nước, đồng thời góp phần củng cố hoà bình, giữ vững an ninh quốc gia. Chính những nỗ lực trong chính sách ngoại giao theo hướng “chủ động, tích cực hội nhập KTQT”, những năm qua quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước và các tổ chức quốc tế được mở rộng; việc thực hiện các cam kết về: “Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA)”, “Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ”, gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và thực hiện các hiệp định hợp tác đa phương, song phương khác, đã góp phần tạo bước phát triển mới rất



quan trọng về kinh tế đối ngoại. Tuy nhiên, Đảng cũng xác định phải giữ vững nguyên tắc trong QHĐN đó là: “Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hoà bình; tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng cùng có lợi”[10, 39]. Chúng ta tranh thủ mọi thời cơ thuận lợi của quốc tế để phát triển đất nước, nhưng phải giữ vững mục tiêu XHCN mà Đảng, nhân dân ta đã lựa chọn. Chính những nguyên tắc trong QHĐN đã giúp cho chúng ta vừa tranh thủ được sự ủng hộ giúp đỡ của bạn bè thế giới trong việc phát triển kinh tế đất nước, vừa giữ vững ổn định chính trị, tạo dựng được thế và lực mới, uy tín trên trường quốc tế của Việt Nam không ngừng được tăng lên.

*Thứ nhất, Đảng đã tích cực chủ động nắm bắt tình hình, đề ra chủ trương biện pháp mở rộng QHĐN.*

Từ năm 2001 đến năm 2010, công cuộc đổi mới trên đất nước ta diễn ra trong bối cảnh thế giới có những chuyển biến nhanh chóng và diễn biến phức tạp, nhưng Đảng đã nhận thức đúng đắn đặc điểm, xu thế phát triển của thế giới và khu vực tiếp tục “đổi mới tư duy”, xây dựng “CSĐN” phù hợp với tình hình cụ thể.

Trước hết, Đảng tiếp tục đổi mới trong việc đánh giá cục diện thế giới và xu thế phát triển của thời đại, đổi mới tư duy về QHQT cũng như đổi mới về quan điểm an ninh, phát triển.

Ngày nay, mọi mối quan hệ đều phải được xây dựng chủ yếu trên cơ sở lợi ích dân tộc, với sự tùy thuộc lẫn nhau, vừa hợp tác vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình. Điều đó có nghĩa là để bảo vệ vững chắc độc lập và xây dựng thành công CNXH, Việt Nam không thể chỉ dựa vào sức mạnh quốc phòng, mà quan trọng nhất phải có một xã hội ổn định với một nền kinh tế phát triển cao và QHQT rộng mở.

Trong những năm 2001 - 2010, Đảng đã có nhiều đổi mới trong nhận thức

về nội dung, tính chất thời đại. Cách tiếp cận vấn đề nội dung, tính chất thời đại có nhiều mặt phù hợp hơn, rõ nét hơn, đầy đủ hơn về tính chất lâu dài quanh co phức tạp của xu thế phát triển.

Bên cạnh việc xác định chiều hướng lâu dài của lịch sử thì xác định xu thế lớn của thời đại là có ý nghĩa quan trọng. Đó là vai trò ngày càng tăng của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, của toàn cầu hóa kinh tế, của kinh tế tri thức, của thế giới trong vài thập kỷ tới hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo. Những xu thế này vừa tạo ra cơ hội cho nước ta duy trì hòa bình, mở rộng hợp tác để phát triển, vừa đặt ra nhiều thách thức cần được quan tâm xử lý, khắc phục.

Mục tiêu của ĐLĐN là giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới”, đẩy mạnh CNH, HĐH “đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Trong tư tưởng chỉ đạo, từ chỗ chỉ chú trọng phát triển QHQT trên cơ sở ý thức hệ, Đảng nhấn mạnh phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH; phương châm lợi ích dân tộc là trên hết, hai mặt hợp tác và đấu tranh, sáng tạo, linh hoạt về sách lược, đồng thời phải có sự đổi mới nhận thức trên vấn đề địch - ta; đối tác - đối tượng... là một tư duy biện chứng rõ ràng trong chỉ đạo xử lý môi QHQT.

HĐĐN còn tham gia trực tiếp vào cuộc đấu tranh làm thất bại nhiều âm mưu “lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, sắc tộc” để “can thiệp vào công việc nội bộ”, chống phá công cuộc đổi mới và hòa bình của nhân dân ta. Tham gia vào việc giải quyết tốt các vấn đề do lịch sử để lại với các nước, nhất là “vấn đề biên giới, lãnh thổ” với các nước láng giềng thành “đường biên giới hữu nghị, hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước”, thể hiện lập trường chính nghĩa, từ đó vị thế của Việt Nam ngày càng tăng trên trường quốc tế.

Cùng với các quan hệ song phương, quan hệ ngoại giao đa phương cũng phát triển vượt bậc, bằng việc triển khai nhiều biện pháp khác nhau hỗ trợ nhau qua các hình thức như ngoại giao nghị viện, ngoại giao nhân dân, đã thể hiện quan điểm nhất quán của Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế.

Mở rộng và đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền các CSDN, góp phần định hướng dư luận quốc tế phản ánh đúng hình ảnh, đất nước con người Việt Nam; đồng thời chống lại những luận điệu vu cáo nhằm chống phá cách mạng nước ta của các thế lực thù địch; góp phần đẩy mạnh xúc tiến thương mại, đầu tư, quảng bá du lịch... nhằm giới thiệu với thế giới về Việt Nam hòa bình, ổn định, phát triển và cởi mở; thu hút sự quan tâm của quốc tế trong một bối cảnh thế giới đầy biến động.

*Thứ hai, củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết hữu nghị với các nước XHCN, các quốc gia láng giềng có chung biên giới với Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Nam Á.*

Với Cu Ba, hiệu quả của sự hợp tác ngày càng phát triển, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Cu Ba ngày càng tăng. Việt Nam cung cấp gạo cho CuBa theo phương thức trả chậm, Cu Ba nhập Antoraxit của Việt Nam được tiến hành thường xuyên. Kim ngạch buôn bán hai chiều năm 2004 đạt 119 triệu USD.

Với Cộng hòa DCND Triều Tiên, năm 2001, Triều Tiên đã giúp Việt Nam uơng tơ tằm ở Hải Dương - Việt Nam. Hàng năm, Bộ Văn hóa Việt Nam đều cử đoàn nghệ thuật sang Triều Tiên dự Liên hoan nghệ thuật mùa xuân tháng Tư hàng năm tổ chức tại Bình Nhưỡng.

Với Lào, mối quan hệ hữu nghị đặc biệt, ngày càng hiệu quả, kim ngạch buôn bán giữa hai nước năm 2003 đạt 110 triệu USD; hàng hóa của Việt Nam chiếm từ 15 - 40 % thị phần ở Lào. Xuất khẩu của Lào sang Việt Nam chiếm 30 - 50% xuất khẩu của Lào ra thị trường thế giới. Tổng kim ngạch thương mại giữa hai nước tăng nhanh chóng. Tính đến năm 2008 đã có 146 dự án của Việt Nam

đầu tư vào Lào với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 1,52 tỷ USD, Lào đầu tư sang Việt Nam 07 dự án với tổng số vốn 17 triệu USD” [46, tr. 81], Hợp tác xây dựng giao thông vận tải; phát triển điện Việt - Lào; giáo dục - đào tạo... được cả hai nước quan tâm và đạt kết quả đáng tự hào. Đặc biệt vấn đề biên giới, lãnh thổ Việt Nam - Lào theo dự án tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc quốc giới triển khai từ năm 2008 và sẽ kết thúc vào năm 2014 hiện nay đang diễn ra tốt đẹp [15, tr. 37], Ngoài ra, các lĩnh vực tài chính, ngân hàng; địa chất, khoáng sản; bưu chính - viễn thông; khoa học - công nghệ; hợp tác giữa các địa phương v.v... đã khẳng định mối quan hệ truyền thống hữu nghị tốt đẹp, phát triển sâu, rộng hơn, toàn diện hơn, hiệu quả hơn phục vụ sự nghiệp đổi mới và phát triển của mỗi nước.

*Với Campuchia*, bước đột phá trong giai quyết vấn đề biên giới là việc hai bên đã ký Hiệp ước bổ sung hoạch định biên giới quốc gia vào ngày 10 - 10 - 2005. Do đó, từ ngày 29-2 đến 01 - 3 - 2008 tại Thủ đô Phnôm Pênh, hai bên đã hợp thông qua kế hoạch cắm mốc biên giới năm 2008 và nhất trí hoàn thành toàn bộ công tác phân giới cắm mốc chậm nhất trong năm 2010.

Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu duy trì nhịp độ tăng đều hàng năm, Đến nay, Campuchia có 04 dự án đầu tư vào Việt Nam. Việt Nam có 15 dự án đầu tư đang hoạt động ở Campuchia với số vốn đầu tư đạt 69,9 triệu USD. Hàng năm, Việt Nam cung cấp khoảng 500 học bổng cho Campuchia trong đó có 120 xuất học bổng đào tạo đại học và trên đại học ở tất cả các ngành học. Hàng năm chính phủ Campuchia cũng cung cấp một số học bổng ngôn ngữ Khmer cho Việt Nam.

*Với Trung Quốc*, Trung Quốc là nước láng giềng lớn; là bạn hàng lớn nhất của Việt Nam. Tổng kim ngạch mậu dịch song phương năm 2005 là 8,8 tỷ USD, năm 2009 đã là 22 tỉ USD, vượt trước thời hạn mục tiêu hai nước đề ra cho năm 2010 là 15 tỉ USD. Về đầu tư, đến năm 2008 Trung Quốc có 606 dự án đầu tư tại Việt Nam với tổng số vốn đầu tư khoảng 02 tỉ USD đứng thứ 12 trong số 82 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Về văn hóa, giáo dục Việt Nam có quan hệ giao lưu hợp tác với nhiều trường đại học và học viện của Trung Quốc. Hàng

năm Chính phủ Trung Quốc cấp 45 suất học bổng cho lưu học sinh Việt Nam đến Trung Quốc học tập. Phía Việt Nam cũng cấp khoảng 5-10 suất học bổng cho lưu học sinh Trung Quốc sang Việt Nam học tập. Về khoa học xã hội và nhân văn, đến năm 2010 các đồng chí lãnh đạo cấp cao của hai Đảng đã tổ chức thành công 05 cuộc hội thảo khoa học lý luận, liên quan tới nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn mà hai nước quan tâm. Về du lịch, số lượng khách Trung Quốc vào Việt Nam du lịch tăng, số lượng khách Việt Nam sang thăm Trung Quốc cũng ngày một nhiều. Nghị định thư phân giới cắm mốc; Hiệp định về quy chế quản lý biên giới; Hiệp định về cửa khẩu và quản lý cửa khẩu là sự kiện mang ý nghĩa lịch sử trọng đại trong quan hệ Việt - Trung tạo điều kiện cho hai bên công khai quản lý biên giới, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, lâu dài. Với Hiệp hội các nước Đông Nam Á, về quan hệ kinh tế - thương mại - đầu tư, tính đến ngày 20 - 6 - 2004 các nước Đông Nam Á có 611 dự án đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn đầu tư đăng ký trên 10,8 tỉ USD. Hiện nay có khoảng 300 dự án của các nước Đông Nam Á đã đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, thu hút hàng vạn lao động, trong đó có những dự án phát triển nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm đang thu lợi nhuận đáng kể. Trao đổi thương mại giữa Việt Nam và các nước Đông Nam Á tăng trung bình 26,8 % năm, chiếm 1/3 tổng kim ngạch buôn bán của Việt Nam [82, tr. 39], Thị trường ASEAN hiện chiếm khoảng 20 % kim ngạch xuất khẩu và khoảng 25 % kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam [23], về lĩnh vực văn hóa - thể thao, Việt Nam đã tổ chức thành công Seagame 22 (12-2003) gây ấn tượng tốt đẹp đối với khu vực. Việt Nam còn đưa ra sáng kiến tổ chức “Tuần lễ văn hóa ASEAN” và tổ chức thành công tại Việt Nam từ ngày 08 đến ngày 12-8-2004 với chủ đề: Nghệ thuật ASEAN - truyền thống và hiện đại, được dư luận trong nước và khu vực đánh giá cao; hoàn thành xuất sắc vai trò Chủ tịch ASEAN trong năm 2010. Trong quan hệ với ASEAN, không những đã đẩy mạnh quan hệ đi vào chiều sâu mà còn đóng góp vào lợi ích chung cho một khu vực hòa bình, ổn định và phát triển – khu vực Đông Nam Á.

*Thứ ba, mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác, phát triển, ổn định lâu dài với nhiều nước khác trên thế giới*

*Với Mông Cổ*, theo Hiệp định hợp tác Văn hóa ký năm 2001, mỗi năm Việt Nam nhận ba sinh viên và 10 thực tập sinh Mông cổ. Việt Nam cử hai sinh viên sang Mông cổ học tập. Chính phủ và nhân dân Việt Nam tặng Chính phủ và nhân dân Mông cổ một số máy vi tính, ngoài ra còn có nhiều đoàn Mông Cổ sang Việt Nam nghiên cứu kinh nghiệm về thu hút đầu tư nước ngoài và xây dựng các khu chế xuất.

*Với Hungari*, kim ngạch thương mại giữa hai nước tăng đều. Các mặt hàng xuất khẩu chính của Hungari sang Việt Nam là dược phẩm, trang thiết bị y tế. Từ năm 2004, Hungari bắt đầu cung cấp ODA và coi Việt Nam là một đối tác chiến lược.

*Với Bungari*, kim ngạch thương mại có giao dịch nhưng chưa đều. Mặt hàng xuất, nhập khẩu của Việt Nam với Bungari là: than đá, cà phê, thực phẩm, mây tre, hạt tiêu và hóa chất, tân dược, rượu vang .v.v...

*Với Rumom*, mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam là nông sản, giày dép, dệt may... Mặt hàng nhập khẩu từ Rumani là hàng kim khí máy móc, hóa chất.

Các nước bạn truyền thống vẫn là nơi mà Việt Nam luôn hướng tới với sự quan tâm trong CSEDN. Cho dù hiện nay, các quan hệ kinh tế với một số nước vẫn chưa tương xứng với tầm vóc cũng như tiềm năng của mối quan hệ Việt Nam với các nước trong khối XHCN Đông Âu trước đây song trong thời gian tới, các mối quan hệ này sẽ được quan tâm và phát triển.

*Với Mỹ*, Hiệp định Thương mại song phương có hiệu lực từ tháng 12-2001 đã mở ra cơ hội lớn cho doanh nghiệp hai nước. Kim ngạch xuất khẩu thương mại hai chiều năm 2001 chỉ đạt gần 1,4 tỉ USD, những năm 2004 ước đạt 6 tỉ USD. Du lịch của Hoa Kỳ vào Việt Nam hàng năm tăng đáng kể, hiện đã mở đường bay thẳng giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Trong lĩnh vực giáo dục, việc thực hiện quỹ giáo dục dành cho Việt Nam đã góp phần đưa hàng trăm sinh viên xuất sắc của

Việt Nam sang đào tạo sau đại học tại các trường đại học danh tiếng ở Hoa Kỳ. Tính đến 20 - 12 - 2002, Mỹ là nước đứng thứ 13 trong số các nước đầu tư trực tiếp vào Việt Nam [38, tr. 54]. Viện trợ kinh tế song phương của Mỹ cho Việt Nam đạt trên 28 triệu USD. Mỹ cũng trợ giúp kỹ thuật cho Việt Nam gia nhập WTO. Xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ chủ yếu là các sản phẩm chưa chế biến đặc biệt là cá, thủy sản, cà phê và dâu.

*Với Liên bang Nga*, trao đổi thương mại giữa hai nước năm 2001 đã đạt 550 triệu USD, năm 2003 là 651,3 triệu USD. Tại phiên họp thứ 10 của ủy ban Liên chính phủ Việt - Nga (2 - 2003), hai bên đã trao đổi và đề ra các biện pháp khả thi nhằm tăng cường buôn bán, đưa tổng kim ngạch lên 2 tỉ USD trong thời gian tới. Trong lĩnh vực đầu tư, đến cuối năm 2002, Nga đã có 74 dự án FDI vào Việt Nam đứng thứ 9 trong danh sách các nước và vùng lãnh thổ trực tiếp đầu tư lớn nhất vào Việt Nam. Về giáo dục và đào tạo, mỗi năm Nga đã dành trên 100 suất học bổng nhà nước cho sinh viên và nghiên cứu sinh Việt Nam. Hiện nay, có khoảng 2.600 sinh viên Việt Nam đang theo học ở Nga.

Về hợp tác khoa học kỹ thuật, hai bên đã thỏa thuận hai hướng hoạt động ưu tiên trong lĩnh vực chuyển giao công nghệ. Sự phát triển của Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga là một trong những biểu hiện về sự hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực này. Hiện nay, đang khuyến khích Nga đầu tư tích cực hơn nữa vào Việt Nam. Việt Nam chủ động và tích cực giúp đỡ Nga phát triển quan hệ với ASEAN. Việt Nam cần chủ động thường xuyên hơn nữa các cuộc đối thoại chính trị với Nga nhằm tăng cường sự hiểu biết, tin cậy lẫn nhau.

*Với Ấn Độ*, trong những năm qua kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam - Ấn Độ liên tục tăng. Tính đến hết năm 2002, Ấn Độ đã có 14 dự án đầu tư vào Việt Nam và có 70 Văn phòng đại diện tại Việt Nam. Ngoài ra, hàng năm còn có hàng trăm suất học bổng của Chính phủ Ấn Độ dành cho sinh viên Việt Nam; viện trợ không hoàn lại hàng triệu USD, giúp Việt Nam xây dựng và phát triển nguồn nhân lực. Về hợp tác khoa học - công nghệ, Ấn Độ ngày nay là cường quốc

khoa học - công nghệ. Thủ tướng Vagiopai trong chuyến thăm Việt Nam (1 - 2001) đã quyết định viện trợ 2,38 triệu USD để phát triển ngành tin học ở Việt Nam. Ấn Độ mỗi năm duy trì 120 học bổng dài hạn và ngắn hạn cho Việt Nam. Về quốc phòng và an ninh, Ấn Độ coi Việt Nam là đồng minh.

Với Nhật Bản, về quan hệ kinh tế Nhật Bản là đối tác kinh tế quan trọng hàng đầu, là bạn hàng số 1 của Việt Nam. Hai nước đã dành cho nhau thuế suất Tối huệ quốc từ năm 1999. Nhật Bản là nước tài trợ, viện trợ phát triển chính thức lớn nhất cho Việt Nam. Về quan hệ thương mại Việt Nam - Nhật Bản mang tính chất bổ sung cho nhau chứ không trực tiếp cạnh tranh. Về văn hóa - giáo dục, hàng năm Chính phủ Nhật Bản viện trợ cho ta từ 1 - 2 dự án viện trợ văn hóa không hoàn lại như thiết bị học ngoại ngữ, thiết bị bảo quản tư liệu... Chính phủ Nhật Bản nhận khoảng trên 100 học sinh, sinh viên Việt Nam sang Nhật Bản đào tạo hàng năm.

Xây dựng quan hệ đối tác, trong vòng 10 năm qua, Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 8 nước theo thứ tự thời gian là: Nga (2001), Ấn Độ (2007), Trung Quốc (2008), Nhật Bản, Hàn Quốc và Tây Ban Nha (2009), Anh và Hà Lan (2010). Như vậy, có thể thấy cách tiếp cận và xây dựng các quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam rất linh hoạt. Trong số này có: láng giềng (Trung Quốc); nước lớn (Nga, Anh, Trung Quốc); các nền kinh tế phát triển (Hàn Quốc, Nhật Bản); bạn bè truyền thống (Ấn Độ); đối tác tiềm năng (Tây Ban Nha, Hà Lan). Khuôn khổ quan hệ có thể rất rộng (đối tác hợp tác chiến lược toàn diện với Trung Quốc); rất mở (đối tác chiến lược hướng tới tương lai, Tây Ban Nha). Hoặc tập trung vào các lĩnh vực hợp tác cụ thể như đối tác chiến lược trong quản lý nước và ứng phó với sự biến đổi khí hậu giữa ta và Hà Lan.

Thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước khác, đến tháng 4 - 2010 Việt Nam đã quan hệ ngoại giao với 178 nước trên thế giới, có quan hệ buôn bán và đầu tư với 230 thị trường của các nước và vùng lãnh thổ. Như vậy, có thể nói Việt Nam đã mở rộng quan hệ với toàn thế giới



*Thứ tư, QHĐN của Đảng được mở rộng, HĐĐN nhân dân ngày càng hiệu quả hơn.*

Mối QHQT của Đảng tiếp tục phát triển ngày càng sâu đậm về quan hệ song phương với 222 chính đảng ở 115 nước trong đó có trên 100 ĐCS và công nhân, hơn 40 đảng cầm quyền, gần 80 đảng tham gia Quốc hội, Nghị viện các nước. Từ đó năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng được nâng cao, phát huy sức đại đoàn kết toàn dân tộc, đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện sớm đưa nước ta thoát khỏi tình trạng kém phát triển và yếu trong HĐĐN nhân dân.

Công tác đối ngoại nhân dân với các nước láng giềng ngày càng phát triển mạnh mẽ.

*Đối với Lào, nhiều hoạt động chung giữa hai nước được tổ chức thành công, góp phần tăng cường quan hệ đoàn kết đặc biệt, toàn diện. Đáng kể nhất là cầu truyền hình Hai chị em; cuộc thi tìm hiểu Việt - Lào trong trái tim tôi.*

*Với Campuchia, quan hệ hợp tác hữu nghị giữa các đoàn thể và tổ chức nhân dân ta với bạn ở địa phương nhất là các tỉnh có chung biên giới đã phát triển thêm một bước góp phần thực hiện chủ trương xây dựng đường biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị.*

*Với Trung Quốc, quan hệ hợp tác giữa nhiều tổ chức Hiệp hội chuyên ngành của nước ta và bạn như Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ, Hội nông dân, Hội lâm nghiệp, Hội Luật gia... đã bước đầu đi vào chiều sâu, vừa góp phần khẳng định uy tín của các tổ chức, vừa góp phần phục vụ lợi ích của đất nước.*

*Đối với khu vực Đông Nam Á, chúng ta đã cử nhiều đoàn thể tổ chức nhân dân hoặc các tổ chức ngành nghề tham gia hoạt động trên nhiều lĩnh vực. Việc các đoàn thể và tổ chức nhân dân trong các hoạt động đa phương của Châu Á - Thái Bình Dương như Hội nghị của Hiệp hội quảng cáo Châu Á - Thái Bình Dương, Diễn đàn hợp tác kinh tế các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các nền kinh tế trong APEC.*

Quan hệ giữa Việt Nam với một số nước lớn và trung tâm công nghiệp

phát triển. Nhiều tổ chức nhân dân tiếp tục duy trì và tăng cường tuyên truyền, giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam, kết hợp vận động đấu tranh với những luận điệu sai trái, buộc Chính phủ Hoa Kỳ phải đưa Việt Nam ra khỏi danh sách các quốc gia đặc biệt quan tâm và thông qua quy chế quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn đối với Việt Nam.

Đối với các bạn bè truyền thống, các nước Mỹ La Tinh, Châu Á, Đông Âu, Trung Đông và Châu Phi, quan hệ tiếp tục được củng cố, mở rộng và đạt nhiều kết quả tích cực.

Tiếp tục phối hợp với các cơ quan hữu quan duy trì mức độ tham gia thích hợp vào một số cơ cấu quốc tế truyền thống như: Liên đoàn Phụ nữ dân chủ quốc tế, Liên đoàn Thanh niên dân chủ thế giới, Hội đồng hòa bình thế giới, Hội Sinh viên quốc tế...

Các tổ chức nhân dân đã tăng cường phối hợp trong công tác vận động và đấu tranh để từng bước giải quyết đòi công lý của các nạn nhân chất độc da cam. Đối ngoại nhân dân đã phát huy vai trò của mình trên Diễn đàn Nhân dân tại Phần Lan, góp phần thúc đẩy cuộc đấu tranh đòi công lý cho những nạn nhân ở Việt Nam. Đồng thời, các tổ chức nhân dân đã có nhiều hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, góp phần vào thành tựu của kinh tế đối ngoại, đặc biệt khi Việt Nam vào WTO, các Hiệp hội cao su, nhựa, trái cây, giày da, thủy sản... góp phần vào bảo vệ lợi ích đất nước.

*Thứ năm, tham gia tích cực vào các phong trào, các tổ chức trên thế giới đóng góp vào tiến trình giải quyết các vấn đề toàn cầu.*

Tham gia vào các TCPCP nước ngoài, tính đến năm 2006 đã có khoảng 650 TCPCP nước ngoài quan hệ với Việt Nam. Trong đó, có trên 500 tổ chức hoạt động thường xuyên, có dự án và đối tác với Việt Nam. Giá trị viện trợ năm 2002 là 85 triệu, năm 2006 đã là 217 triệu USD. Chúng ta đã cấp nhiều Giấy phép lập Văn phòng Đại diện và Văn phòng Dự án cho hoạt động tại Việt Nam. Sự viện trợ của các TCPCP nước ngoài không chỉ là viện trợ vật chất mà còn cả

chuyển giao kinh nghiệm, công nghệ, nâng cao dân trí, y tế... qua đó tình hữu nghị và quan hệ hợp tác giữa nhân dân ta và nhân dân các nước trên thế giới được đẩy mạnh.

Là thành viên chính thức thứ 150 của WTO, Việt Nam có điều kiện mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ sang các nước trên quy mô toàn cầu. Các ngành sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng cả nước có điều kiện nhập khẩu và lựa chọn hàng hóa được hưởng lợi từ nhiều phía. Đồng thời, ta có điều kiện đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế thông qua phát triển sản xuất, phục vụ xuất khẩu. Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ buôn bán với 230 thị trường và vùng lãnh thổ.

Tham gia vào Liên hợp quốc và trở thành Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009. Cho thấy, vai trò của Việt Nam được nâng cao tại Liên hợp quốc nhất từ trước đến nay. Việc Việt Nam được Liên hợp quốc công nhận là một trong những nước thí điểm thực hiện mô hình Một Liên hợp quốc là đóng góp tích cực của Việt Nam vào tiến trình cải tổ hoạt động của Liên hợp quốc nói chung và việc thống nhất quản lý, tăng cường phối hợp giữa các tổ chức phát triển trực thuộc của Liên hợp quốc nói riêng, đồng thời là động lực thúc đẩy khuôn khổ hợp tác giữa Việt Nam và Liên hợp quốc.

Tham gia vào Phong trào Không liên kết và hợp tác (NAM), Việt Nam luôn coi đó là chủ trương nhất quán, một bộ phận của “CSDN rộng mở đa phương hóa, đa dạng hóa” bổ sung cho quan hệ song phương trong khu vực và quốc tế của mình với những thành tựu đáng kể như xóa đói, giảm nghèo, phòng chống dịch bệnh hiểm nghèo, chống khủng bố, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường; ủng hộ và tích cực đấu tranh chống chiến tranh, chạy đua vũ trang, áp đặt và can thiệp, bảo vệ hòa bình, độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ các nước. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi Xenegan, Papa Diouf đã đánh giá: đóng góp của Chính phủ Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua các chuyên gia và kỹ thuật viên đã góp phần vào thành công của kinh nghiệm hợp tác Nam - Nam [39, tr. 186], Các đối tác đều

thống nhất đánh giá tính chuyên nghiệp, trình độ kỹ thuật cao, sự năng động, tính kỷ luật và nhiệt tình lao động cũng như khả năng thích nghi và hòa nhập tuyệt vời của chuyên gia Việt Nam.

- *Nguyên nhân của những thành tựu.*

*Một là*, ĐCS Việt Nam đã chủ động tích cực nắm bắt tình hình thế giới, trong nước, vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống ngoại giao của dân tộc trong quá trình hoạch định và triển khai thực hiện chủ trương mở rộng QHĐN.

Có sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, Bộ Ngoại giao và sự phấn đấu nỗ lực của các ngành, các cấp trong quá trình mở rộng QHQT, vị thế của đất nước nâng cao trong tình hình mới.

*Hai là*, thực hiện nhất quán tư tưởng chỉ đạo: giữ vững nguyên tắc vì hòa bình độc lập, thống nhất và CNXH”, đồng thời phải rất “sáng tạo, năng động, linh hoạt phù hợp với vị trí, điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nước ta cũng như diễn biến của tình hình thế giới, khu vực; phù hợp với từng đối tượng, đối tác mà Việt Nam có quan hệ. Kiên trì phương châm bảo vệ lợi ích chân chính của dân tộc, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, không đi với nước này làm hại lợi ích của nước kia.

Thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa QHQT. Song nắm vững hai mặt vừa hợp tác vừa đấu tranh, tăng đồng thuận, giảm đối đầu, tránh bất lợi, không mơ hồ mất cảnh giác.

*Ba là*, Đảng-Nhà nước, Chính phủ và ngành ngoại giao luôn bám sát nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới, xác định rõ nhiệm vụ đối ngoại là “giữ vững môi trường hòa bình tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới đẩy mạnh phát triển KT-XH”. Phát huy vai trò, vị trí các kênh đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân tạo thành mặt trận ngoại giao rộng lớn, nhiều tầng làm cho nhân dân các nước trên thế giới gần gũi và ủng hộ

Việt Nam xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trên cơ sở phân tích, đánh giá đúng đối tác, chú trọng xây dựng quan hệ đối tác chiến lược tạo thế đan xen lợi ích, tạo đà cho hội nhập sâu hơn vào các QHQT.

*Bốn là*, triển khai thực hiện mở rộng QHĐN nhưng xác định đúng hướng, có ưu tiên và đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững; không dàn trải, không quan hệ với các đảng phái tổ chức cực đoan, có trọng tâm, trọng điểm, đậm nhạt tùy từng thời điểm phù hợp với điều kiện và khả năng của Việt Nam.

Tham gia tích cực vào các tổ chức quốc tế vừa hoàn thành tốt vai trò của mình vừa tạo được những thuận lợi cho các quan hệ đa phương giúp đỡ Việt Nam trong những vấn đề quốc tế và khu vực.

*Năm là*, quan tâm, chăm lo xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại có đạo đức cách mạng, năng lực cao, ngoại ngữ giỏi, phong cách lịch sự, tế nhị, khéo léo.

*\* Hạn chế trong quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện ĐLĐN (2001- 2010)*

*- Hạn chế*

*Thứ nhất, công tác nghiên cứu chiến lược, dự báo tình hình còn yếu; chưa tạo được sự thống nhất cao trong nhận thức, nhất là chủ trương quan hệ với một số nước lớn. Trong một số trường hợp chúng ta còn bị động đối phó với tình hình; sự phối hợp giữa hai mặt “hợp tác” và “đấu tranh” trong quan hệ với một số đối tác chưa thực sự nhuần nhuyễn; việc xử lý mỗi quan hệ giữa yêu cầu giữ vững ổn định trong nước và “mở rộng QHĐN” còn lúng túng. Đại hội XI của Đảng đánh giá: “Công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về đối ngoại có mặt còn hạn chế. Sự phối hợp giữa đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân, giữa các lĩnh vực chính trị, kinh tế và văn hóa đối ngoại chưa đồng bộ” [37, tr. 170]. Mặt khác, chúng ta cũng chưa thấy hết mỗi quan hệ tương tác, tính tùy thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế và những thách thức đối với nước ta, nhất là nguy cơ tụt hậu về kinh tế, lạc hậu về khoa học - công nghệ.*

*Thứ hai, trong quan hệ với các nước lớn, các nước láng giềng và khu vực,*

*chúng ta chưa xây dựng và khai thác được quan hệ lợi ích đan xen, tùy thuộc lẫn nhau; chưa tạo được nhiều cơ hội mới trong quan hệ đối ngoại. Các mối quan hệ kinh tế, an ninh, chính trị nhiều khi chưa gắn kết mật thiết với nhau. Trong một số trường hợp cụ thể còn sơ hở; sự phối hợp giữa hai mặt hợp tác và đấu tranh chưa thật nhuần nhuyễn. Trong xử lý quan hệ với một số đối tác, sách lược của ta thiếu sắc bén nên còn bị sức ép từ các nước này trong các vấn đề nhạy cảm như biên giới, lãnh thổ, dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo...*

*Thứ ba, ngoại giao phục vụ phát triển nền kinh tế tuy đã được xác định là trọng tâm, đã khởi sắc song hiệu quả chưa cao, còn nhiều lúng túng, cần phải nhận thức đúng hơn về ngoại giao, đó là đạt được mục đích không chỉ bằng ngoại giao. Tham gia ngoại giao kinh tế có nhiều ngành cả ngoại giao, thương mại, kế hoạch đầu tư... mà không chỉ bó hẹp trong việc cơ quan đại diện ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế.*

Trong hội nhập quốc tế, tiến độ của công việc chuẩn bị về pháp lý và thể chế vẫn chưa theo kịp với những chuyển biến mới của thế giới và khu vực, chưa hình thành được chiến lược tổng thể, dài hạn cũng như một lộ trình hợp lý về hội nhập để thực hiện các cam kết quốc tế. Môi trường kinh doanh trong nước (kết cấu hạ tầng, bộ máy hành chính...) còn yếu kém; bệnh quan liêu tham nhũng còn nặng nề; đội ngũ cán bộ làm công tác kinh tế đối ngoại và hội nhập KTQT còn thiếu và yếu về số lượng và trình độ ngoại ngữ. Công tác thông tin đối ngoại còn bị động, thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng.

Cam kết ODA của các nhà tài trợ quốc tế cho Việt Nam mới giải ngân khẩn do môi trường đầu tư chưa thông thoáng, chưa thực sự thuận lợi nhất quán và ổn định. Giá một số yếu tố đầu vào của nền kinh tế (điện, xăng dầu, cước viễn thông, cước vận tải biển...) còn cao hơn nhiều nước trong khu vực. Thực tế này đã làm tăng giá thành sản phẩm và giảm sức cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam trên các thị trường thế giới.

Việc xây dựng chiến lược tổng hợp, chủ động hội nhập KTQT cũng như

chuẩn bị các điều kiện về luật pháp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đào tạo nhân lực đề sẵn sàng thích ứng với các cam kết, khi chính thức là thành viên của WTO, tiến hành còn chậm so với yêu cầu.

*Thứ tư, quan hệ hợp tác với các nước chưa sâu, chưa vững chắc; quan hệ về kinh tế và chính trị đôi khi chưa gắn kết với nhau trong một số trường hợp cụ thể.* Việc xúc tiến các công việc theo lộ trình hội nhập, thực hiện các cam kết song phương, đa phương của không ít các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp còn chậm và chưa bảo đảm độ tin cậy. Chưa có cơ chế, chính sách, quy định pháp luật đồng bộ để thúc đẩy các doanh nghiệp cạnh tranh phù hợp với yêu cầu triển khai các cam kết hội nhập KTQT, còn trông chờ vào sự bảo hộ của Nhà nước.

- Nguyên nhân hạn chế.

+ Nguyên nhân khách quan

Tình hình thế giới thay đổi nhanh chóng, phức tạp, hệ lụy khó lường, mối quan hệ của các nước đã được điều chỉnh, thay đổi.

Sau sự kiện 11 - 9 - 2001 ở Mỹ, hầu hết các nước lớn điều chỉnh chính sách nhằm giành lấy vị trí có lợi cho riêng mình trên trường quốc tế. Do ảnh hưởng của cuộc “khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu; thiên tai dịch bệnh, những yếu kém vốn có của nền kinh tế”, mặt trái của xu thế toàn cầu hóa; chiến tranh “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Các nước lớn cạnh tranh quyết liệt vì lợi ích kinh tế và tìm cách áp đặt các rào cản trong thương mại với các nước nghèo và đang phát triển, ô nhiễm môi trường, khan hiếm nguồn năng lượng và tài nguyên, khoảng cách giàu nghèo... tác động mạnh mẽ đến các mối quan hệ song phương và đa phương trong quá trình Việt Nam mở rộng QHĐN.

+ Nguyên nhân chủ quan

Nguyên nhân chủ yếu được Đại hội IX và X đề cập đến là công tác nghiên cứu và dự báo chiến lược còn yếu.

Quá trình mở rộng QHĐN còn thiếu chiều sâu và chưa thật chủ động;

quản lý nhà nước về công tác đối ngoại chưa chặt chẽ; công tác tuyên truyền đối ngoại còn hạn chế.

Có sự khác nhau trong đánh giá, nhận thức và hành động giữa các ngành liên quan; sự phối hợp của các ngành, các cấp chưa nhuần nhuyễn.

Đội ngũ cán bộ đối ngoại chưa thật chuyên nghiệp, còn những mặt chưa đáp ứng được yêu cầu mới của quá trình hội nhập quốc tế.

### **3.2. Kinh nghiệm từ quá trình Đảng lãnh đạo xây dựng ĐLĐN mở QHĐN và hội nhập kinh tế, quốc tế (2001 - 2010)**

Qua quá trình đảng lãnh đạo thực xây dựng và thực hiện nghị quyết Đại hội IX và X của Đảng, HĐĐN đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Những thành tựu to lớn ấy cho phép chúng ta rút ra những bài học chủ yếu sau:

*Bài học quan trọng nhất, trong hoạch định ĐLĐN phải luôn xác định mục tiêu hàng đầu là vì lợi quốc gia, dân tộc; đẩy mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa” phù hợp với xu thế thời đại. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc. Đặt lên hàng đầu của lợi ích quốc gia chính là mục tiêu giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, là bảo vệ công cuộc xây dựng CNXH đồng thời tạo môi trường quốc tế thuận lợi cao nhất cho công cuộc phát triển KT-XH, hướng tới mục tiêu cao nhất là vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.*

*Bài học thứ hai, trong quá trình mở rộng QHĐN luôn xác định rõ đối tác và đối tượng để có chủ trương đúng đắn. Xác định đối tác và đối tượng một cách linh hoạt là một điểm mới của Đảng, từ tư duy biện chứng có tác dụng thiết thực trong xử lý các mối QHQT một cách đúng đắn, vừa đúng chủ trương vừa giải quyết được tình huống trong từng hoàn cảnh, thời điểm cụ thể, từng mối quan hệ...*

Trong điều kiện ngày nay để thực hiện tốt kinh nghiệm này cần phải: nắm chắc tình hình mọi mặt của từng đối tác để xây dựng một lộ trình cụ thể theo hướng đan xen lợi ích song phương cũng như đa phương; phát huy những mặt còn tranh thủ được của từng đối tượng trong từng thời điểm cụ thể để tránh đối



đầu, bắt lợi; phát huy kinh nghiệm của bản thân kết hợp với học tập kinh nghiệm của nước ngoài đồng thời chủ động vươn ra bên ngoài để huy động mọi nguồn lực nhằm tăng cường nội lực phục vụ tốt nhất cho sự nghiệp bảo vệ tổ quốc. Trong xây dựng cũng như chỉ đạo thực hiện ĐLĐN phải luôn kiên định nguyên tắc chiến lược mềm dẻo, năng động, linh hoạt, sáng tạo trong xử lý tình huống theo tinh thần dĩ bất biến, ứng vạn biến. Tức là, tùy vào bối cảnh thực tiễn có những diễn biến mới và phức tạp mà Đảng ta phải đề ra các chính sách cụ thể phù hợp dựa trên chiến lược lâu dài.

*Bài học thứ ba, thường xuyên coi trọng chiến lược xây dựng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước láng giềng có chung biên giới, tạo ra vành đai an ninh ổn định, an toàn trực tiếp xung quanh đất nước.*

Trong lịch sử đối ngoại, quan hệ giữa các nước láng giềng luôn nhận được mối quan tâm hàng đầu bởi đó là một trong những mối quan hệ quan trọng nhất, đồng thời cũng vô cùng phức tạp và nhạy cảm. Do đó, tất cả các nước dù lớn hay nhỏ đều phải đặc biệt chú trọng đến việc xử lý các mối quan hệ với các nước láng giềng mà Việt Nam cũng không phải là một ngoại lệ.

*Bài học thứ tư, coi trọng và xử lý đúng đắn mối quan hệ với các nước lớn, các tổ chức quốc tế, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.*

Vì vậy, ngày nay cần phải nhận thức đầy đủ về vai trò, vị trí của các nước láng giềng đối với sự phát triển của Việt Nam. Duy trì hòa bình, hữu nghị, đoàn kết, hợp tác với các nước láng giềng là một nhân tố quan trọng đối với sự phát triển của đất nước Việt Nam

Có thể thấy ĐLĐN của Đảng trong mười năm qua đã có những bước phát triển rõ rệt trong tư duy. Đường lối đã phát huy truyền thống dân tộc, vận dụng sáng tạo lý luận Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao trong tình hình mới, đáp ứng yêu cầu của thời đại. Nó cho phép kết hợp một cách hiệu quả mọi tiềm năng, nguồn lực trong nước cũng như bên ngoài nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp của quốc gia giải quyết thắng lợi những nhiệm vụ của

thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần quan trọng vào công cuộc bảo vệ Tổ quốc và tạo môi trường quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước trong thời gian tới. Đây thật sự đã trở thành một đối sách hàng đầu nhằm thích ứng với xu thế mới của thời đại.

## **KẾT LUẬN**

Nhận thức rõ các xu thế của thế giới đương đại và những tác động nhiều chiều của nó đến công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN, tính cấp thiết phải mở rộng quan hệ đối ngoại với tất cả các nước, các tổ chức trên thế giới. Với lập trường vững vàng, nhất quán đối với lý tưởng XHCN, đối với học thuyết Mác - Lênin về quy luật tiến hóa của lịch sử, quyền tự quyết của mỗi dân tộc và tinh thần đoàn kết của giai cấp vô sản toàn thế giới. Vận dụng tư tưởng đối ngoại và phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh, truyền thống bang giao trong lịch sử dân tộc, ĐCS Việt Nam đã không ngừng tổng kết thực tiễn hoạt động đối ngoại, bổ sung, phát triển quan điểm, nhiệm vụ, phương châm, phương pháp; giữ vững nguyên tắc linh hoạt, mềm dẻo với các đối tác và đối tượng trên tinh thần: Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế... nhằm phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực đưa đất nước trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Từ chủ trương đúng đắn, sáng tạo đó đã đưa Việt Nam đến gần hơn với nhân dân các nước, các tổ chức, trung tâm của thế giới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên các cương vị mà các tổ chức quốc tế tín nhiệm giao trọng trách.

Quá trình mở rộng quan hệ đối ngoại giúp cho Đảng đoạn tuyệt dứt khoát với lối tư duy chủ quan, một chiều về sự vận động của thời kỳ quá độ lên CNXH. Mở rộng quan hệ đối ngoại, Việt Nam vừa nắm bắt cơ hội, tạo ra cơ hội, vừa tích lũy được tri thức của các nước cũng như kinh nghiệm, trình độ quản lý đất nước, quản lý kinh tế - xã hội để đẩy nhanh CNH, HĐH, đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển. Mặt khác, quá trình mở rộng quan hệ đối ngoại đã tạo ra thế đan xen về lợi ích, bảo vệ được lợi ích quốc gia, giữ vững

độc lập tự chủ trong xu thế toàn cầu hóa. Đặc biệt là tạo ra vành đai an ninh, ổn định cho đất nước; đồng thời vận động được dư luận của nhân dân, các tổ chức, cá nhân tiên bộ, có uy tín giúp đỡ và ủng hộ Việt Nam giải quyết những vấn đề nhạy cảm liên quan đến tình hình trong nước, khu vực và quốc tế.

Tuy nhiên, tham gia vào các quan hệ quốc tế là một quá trình gay go, phức tạp và không kém phần quyết liệt vừa hợp tác, vừa đấu tranh Việt Nam vừa có thời cơ thuận lợi nhưng cũng không ít thách thức thậm chí rủi ro. Thách thức lớn nhất là sự cạnh tranh về kinh tế, thương hiệu các sản phẩm của Việt Nam đối với thị trường quốc tế khi mở cửa hội nhập và thực hiện các thỏa thuận về thuế quan. Bên cạnh đó, các thủ tục hành chính, cơ chế thực thi các điều khoản trong các hiệp định, các cam kết quốc tế của Việt Nam còn nhiều bất cập, phức tạp thậm chí còn tiêu cực trong hội nhập kinh tế quốc tế. Khoảng cách của nước ta so với một số nước trong khu vực và trên thế giới còn khá xa về vốn, công nghệ, trình độ quản lý... Không phải lúc nào cũng “bình đẳng hai bên cùng có lợi” mà đôi khi trong mỗi quan hệ nhất định trên một lĩnh vực nào đó chúng ta phải chịu nhường nhịn, thiệt thòi về kinh tế để giữ vững sự ổn định, đoàn kết, hữu nghị.

Mở rộng quan hệ đối ngoại là một chủ trương lớn trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong thập kỷ đầu của thế kỷ XXI. Những thành tựu, hạn chế và kinh nghiệm rút ra từ quá trình mở rộng quan hệ đối ngoại trong những năm 2001 - 2010 sẽ là cơ sở tốt để triển khai đồng bộ, toàn diện hoạt động đối ngoại trong thời gian tiếp theo, góp phần xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban tư tưởng - Văn hoá trung ương (2004), *Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành TW khoá IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Bộ ngoại giao, Vụ CSDN (2004), *Tổng kết CSDN và QHQT của Đảng và Nhà nước ta qua 20 năm đổi mới*, Hà Nội.
3. Bộ ngoại giao, Ban nghiên cứu lịch sử ngoại giao (2009), *Vận dụng tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh thời kỳ hội nhập quốc tế*, Nxb, CTQG, Hà Nội.
4. Bộ ngoại giao, “*Ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, kỷ yếu hội thảo khoa học*”, Nxb CTQG, Hà Nội 2000
5. Vũ Minh Dương, *Lịch sử QHĐN Việt Nam 1940-2010*, NXB Chính trị quốc gia, H. 2014.
6. ĐCS Việt Nam (1982): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V. Tập I*. Nxb Sự Thật, Hà Nội.
7. ĐCS Việt Nam (1991): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb CTQG, Hà Nội.
8. ĐCS Việt Nam (1996): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb CTQG, Hà Nội.
9. ĐCS Việt Nam (2001): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, Hà Nội.
10. ĐCS Việt Nam (2006): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG, Hà Nội.
11. ĐCS Việt Nam (2011): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, Hà Nội.
12. ĐCS Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội 2016.
13. ĐCS Việt Nam(20): *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành TW khoá IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, H.2004, tr105-106.

14. ĐCS Việt Nam (2004): *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành TW khoá IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr87-89.
15. Học Viện QHQT - Bộ Ngoại Giao (1997), *Hỏi đáp về tình hình thế giới và CSDN của Đảng và Nhà nước ta*, Nxb CTQG, Hà Nội.
16. Học Viện QHQT, *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp đổi mới(1975-2002)*, lưu hành nội bộ..
17. Hiến Pháp năm 1992 của nước CHXHCN Việt Nam
18. V.I.Lênin (1969), *Toàn tập*, Tập 3. Nxb Sự Thật, Hà Nội.
19. V.I.Lênin(1963), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Sự thật, Hà Nội.
20. Nguyễn Dy Niên (2002): *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội
21. Nghị quyết 13 về đối ngoại(1988) của Bộ chính trị, tư liệu lưu trữ Ban đối ngoại Trung ương ĐCS Việt Nam.
22. Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Nxb Pháp Lý 1989.
23. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội.
24. Hồ Chí Minh(1995), *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội.
25. Phạm Bình Minh (2011), *Đường lối CSDN Việt Nam trong giai đoạn mới*, NXB CTQG, Hà Nội.
26. Phạm Bình Minh (2010), *Định hướng chiến lược đối ngoại Việt Nam đến 2020*, NXB CTQG, Hà Nội.
27. Lê Khả Phiêu (2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường Đảng ta và nhân dân ta tiến vào thế kỷ XXI*, Nxb CTQG, Hà Nội.
28. *Quán triệt, vận dụng quan điểm Đại hội X của Đảng vào giảng dạy các môn lý luận chính trị (2007)*, Nxb CTQG, Hà Nội.
29. Bộ ngoại giao, Ban nghiên cứu lịch sử ngoại giao (2009): *Vận dụng tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh thời kỳ hội nhập quốc tế*, Nxb, CTQG, Hà Nội.

30. *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá X (2007),*  
Nxb CTQG, Hà Nội. tr75-90.